

KỶ NIỆM
117 NĂM
NGÀY SINH
ÔNG NGUYỄN VĂN VĨNH
15-6-1882 o 15-6-1999



1882 o 1936

CÁCH MẠNG ĐỔI MỚI
1906 o 1936

1001 NGUYỄN VĂN VĨNH
BÀI BÁO
"L'ANNAM NOUVEAU"
1931-1936 TẬP 13



BÁO CHÍ VÀ NHÀ IN

CÁCH MẠNG ĐỔI MỚI



15 NĂM CUỐI CÙNG CỦA THẾ KỶ XX

1999 NĂM CUỐI CÙNG CỦA THẾ KỶ XX THẾ KỶ CÁCH MẠNG ĐỔI MỚI THÀNH CÔNG Ở NƯỚC TA

1999 năm cuối cùng của thế kỷ XX

Thế kỷ XX là thế kỷ thành công của Cách mạng đổi mới ở nước ta :

1. Thế kỷ chúng ta đã từ bỏ được Nho học đã ngự trị trên đất nước ta hàng ngàn năm, để xây dựng thành công nền văn minh chữ Quốc ngữ.

2. Thế kỷ Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam đã làm cách mạng tháng 8 thành công, đã xoá bỏ chế độ phong kiến, đã đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược và chiến thắng đế quốc Mỹ thống nhất đất nước, xây dựng nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

3. Thế kỷ cách mạng đổi mới đưa đất nước ta lên thành một con rồng ở Đông Nam Á.

* *
*

Đúng 100 năm trước đây, 15 năm cuối cùng của thế kỷ XIX thực dân Pháp đã xâm chiếm nước ta. và đã dựa vào thế lực của nước ta đã có từ trước để chinh phục được cả hai nước Lào và Miên (Căm-pu-chia).

Và sau khi đã ký kết được với Trung Quốc hoà ước Patenôtre (1884) Pháp thành lập Phủ toàn quyền Đông Dương

vào năm 1887 với viên toàn quyền Pháp đầu tiên là Constant. Năm 1888 Vua Hàm Nghi bị bắt và bị đày sang Algérie, Vua Thành Thái lên ngôi, đã nhượng 3 thành phố lớn ở miền Bắc là: Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng cho Pháp làm thuộc địa như ở Nam Kỳ. Từ đó triều đình nhà Nguyễn chỉ còn là bù nhìn, làm công cụ cho toàn quyền Pháp, dùng làm bình phong để che đậy tội ác thực dân của chúng, mọi quyền hành đều nằm trong tay toàn quyền Đông Dương.

Toàn quyền thứ 2 - 1889 là toàn quyền Richaud

Toàn quyền thứ 3 - 1891 là toàn quyền De Lanessan.

Toàn quyền thứ 4 - 1895 là toàn quyền Rousseau

Toàn quyền thứ 5 - 1897 là toàn quyền Doumer

Toàn quyền thứ 6 - 1902 là toàn quyền Beau.

Toàn quyền Beau chủ trương khai hoá dân trí, mở mang học hành và đặt y tế cục, xây dựng các bệnh viện, chính là những điều chúng ta đang cần. Trong lúc đó Văn Thân tan rã, nho học suy tàn, sau những cố gắng cuối cùng bị thất bại, vào tháng 11/1898 định dùng lực lượng cô đầu ở phố Hàng Giấy để phá hội Tây ở Bờ Hồ và đốt khu đầu xỏ mới xây dựng xong. Thất bại những nhà nho còn lại người thì đầu hàng, người thì sang Tàu, người thì sang Nhật để cầu cứu. Nhân dân hoang mang không có ai lãnh đạo

May thay cho nước ta, trong thời buổi đen tối và nhiều nhượng đó, có ông Phan Chu Trinh, một nhà cách mạng lão thành, một nhà nho yêu nước tiến bộ : 1900 đỗ cử nhân, 1901 đỗ phó bảng, thụ chức thừa biện ở Bộ Lễ, 1903 từ quan đi làm cách mạng; 1903 cùng với các ông Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp đi vào Nam để khảo sát tình hình, 1905 ông ra Bắc gặp ông Hoàng Hoa Thám ở Yên Thế, rồi xuất dương

sang Nhật gặp ông Phan Bội Châu, rồi sang Trung Quốc gặp những nhà cách mạng khác.

1906 ông trở về nước viết bức thư gửi toàn quyền Đông Dương và vạch ra đường lối Cách mạng đổi mới với ba phương châm : Khai dân trí. Hưng chí khí, Hậu dân sinh.

1907 thành lập trường Đông Kinh Nghĩa Thục (Đông Kinh = Tonkin là miền Bắc, nghĩa thực là trường học không lấy tiền) để truyền bá chữ Quốc ngữ, dạy chữ nho và dạy tiếng Pháp.

Và lấy Đấng Cổ Tùng báo làm cơ quan ngôn luận của Cách mạng đổi mới viết bằng chữ nho và chữ Quốc ngữ.

Ông chủ trương tự lực tự cường làm cách mạng ngay ở trong nước, tạm thời chấp nhận thực dân Pháp làm chủ. chung sống hoà bình với Pháp, đấu tranh đòi Pháp khai hoá văn minh thực hiện Tự do - Bình đẳng - Bác ái. nhiệm vụ trước mắt là phải học cho được văn minh Châu Âu, giữ vững lòng yêu nước, và phải tồn tại để làm cách mạng. Muốn học được phải có thầy và ông thầy tốt nhất là nước Cộng hoà Pháp, đã ở ngay trong nhà mình không phải đi kiếm đâu xa.

Và cũng may thay có ông Nguyễn Văn Vĩnh con nhà nghèo, 8 tuổi đã phải đi làm, vừa làm vừa tự học lấy một mình mà sớm tiếp thu được văn minh Châu Âu. trưởng thành vào đúng đầu thế kỷ XX. 1906 sau khi đi tham quan nước Pháp về, ông xin từ chức Thông ngôn toà đốc lý Hà Nội để làm nghề tự do làm nhà in và làm báo và ông đã trở thành người chiến sĩ cách mạng đổi mới trung thành nhất, đặc lực nhất. và thực hiện có hiệu quả nhất và sáng tạo nhất đường lối cách mạng đổi mới của ông Phan Chu Trinh.

Trong suốt 30 năm liền từ 1906 đến 1936, bắt đầu từ hai bàn tay trắng ông đã trở thành một chủ nhà in lớn và chủ nhiều

tờ báo và tạp chí, chủ nhà xuất bản có uy tín nhất. Trong suốt 12.000 ngày, không ngày nào ông nghỉ cầm bút : từ Đăng cổ tùng báo 1907 đến Notre Journal 1908 - 1909, Notre revue 1910 đến Lục tỉnh tân văn 1911 - 1912, Đông Dương tạp chí 1913 - 1917, Trung bắc tân văn 1917 - 1930, L'Annam Nouveau 1931 - 1936.

1/5/1936 ông Nguyễn Văn Vĩnh chết một mình với hai bàn tay trắng giữa rừng Trường Sơn ở bên Lào, tay ông vẫn cầm cây bút máy đang viết dở bài phóng sự "Một tháng với những người đi tìm vàng" cho báo L'Annam Nouveau.

Nhưng gia tài ông để lại cho gia đình chúng tôi là vô giá và vĩ đại nhất là hàng vạn bài báo và hàng ngàn cuốn sách viết về cuộc "Cách mạng văn hoá chữ Quốc ngữ" và về cuộc vận động "Cách mạng đổi mới" trong 36 năm đầu thế kỷ XX.

Riêng trong báo L'Annam Nouveau từ 1931 - 1936 ông đã viết trên 1000 bài báo vừa xã luận, vừa phóng sự, vừa nghiên cứu phong tục tập quán của nhân dân ta.

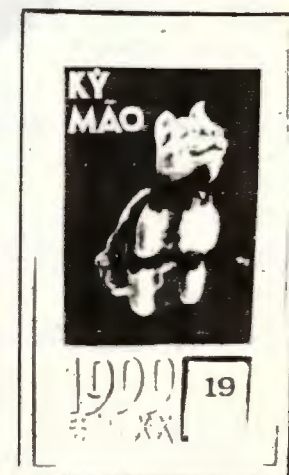
Chúng tôi đã dịch và in lại thành 13 tập :

- | | |
|--|-----------|
| 1. Một tháng với những người đi tìm vàng | 100 trang |
| 2. Thư của ông Phan Chu Trinh viết cho Toàn quyền Đông Dương năm 1906 | 50 trang |
| 3. Phan Bội Châu người cách mạng hồi hận | 60 trang |
| 4. Tờ báo này ra đời như thế nào và 20 bài xã luận báo L'Annam Nouveau | 100 trang |
| 5. Nói thẳng tổng kết đường lối Cách mạng đổi mới từ 1906 - 1930 | 60 trang |
| 6. Từ triều đình Huế trở về | 50 trang |
| 7. Ông Phạm Quỳnh nhận xét lập trường chính trị của tôi | 30 trang |

- | | |
|---|-----------|
| 8. Những nhân vật đổi mới từ trần | 50 trang |
| 9. Truyện Thuý Kiều | 25 trang |
| 10. Chữ Quốc ngữ đổi mới | 60 trang |
| 11. Trẻ con hát trẻ con chơi | 60 trang |
| 12. 12 bài xã luận viết về Tết và về đời sống | 100 trang |
| 13. 10 bài xã luận về báo chí và nhà in | 100 trang |

NHỮNG TẬP CÒN TIẾP THEO :

- Nạn hối lộ dưới mọi hình thức của nó.
 - Cách mạng hay cải cách.
 - Đời sống mới và đời sống cũ.
 - Những xu hướng chính trị bản xứ hiện nay.
 - Nền giáo dục bản xứ.
 - Những món ăn ngon của người An Nam
- v.v..



ĐỂ TƯỢNG NHỚ ÔNG PHAN CHU TRINH



*Phan Châu Trinh và con trai là Phan Châu Dật
(ảnh Lưu trữ Hải ngoại Pháp)*

NGƯỜI ĐỂ XƯƠNG CÁCH MẠNG ĐỔI MỚI
ĐẦU THẾ KỶ XX

ĐỂ TƯỢNG NHỚ ÔNG PHAN CHU TRINH

Thứ sáu vừa qua là ngày giỗ của con người yêu nước của chúng ta là ông Phan Chu Trinh.

Trong miền Nam ở Tân Sơn Nhất có ngôi mộ của ông và ở Đa Cao có ngôi nhà thờ dành cho ông, đông đảo đồng bào chúng ta nghiêm trang làm giỗ ông để tưởng nhớ đến một người mà tên tuổi mãi mãi gắn liền với sự nghiệp cách mạng hoà bình, đã được người có đầu óc sáng suốt của đất nước ta tiến hành.

Tóm tắt bằng một dòng, chúng ta hãy nhớ lại cả một cuộc đời đầy thiếu thốn và đầy đau khổ của một người yêu nước xứng đáng được tôn trọng và được lấy làm gương mẫu này.

Ngay từ năm 1906, đúng vào ngày 15 tháng 8 ông Phan Chu Trinh đã viết cho viên Toàn quyền Đông Dương một bức thư viết bằng chữ nho. Đây chính là bản án hùng hồn chống lại bọn quan lại bắt lạt và ăn hại, họ đã mang một mối thù không đội trời chung với ông Phan Chu Trinh.

Ngay hôm sau cuộc nổi loạn được gọi tên là "cắt tóc" phong trào đấu tranh hoà bình chống sưu thuế khắc nghiệt. Ông Phan Chu Trinh bị bắt và bị triều đình Huế kết án tử hình... sau được tha bổng là nhờ có sự can thiệp của hội nhân quyền, và cuối cùng ông bị đày ra Côn Đảo.

Ba năm sau, ông Phan Chu Trinh được tha tù là nhờ có sự vận động hào hiệp của những nhân sĩ người Pháp. Ông đã trở

lại một thời gian ở Mỹ Tho, và sau đó đã đi cùng viên Toàn quyền Klobukowski sang Pháp.

Trong suốt nhiều năm kéo dài ông sống ở Paris. Không một lúc nào ông rời bỏ nước Nam ra khỏi ý nghĩ của mình. Ông đã giành thời gian để viết những áng văn chương nổi tiếng, tham gia những câu lạc bộ chính trị và diễn thuyết tại các hội bác học. Sống một cuộc đời thật sự như một nhà tu hành, và đã có lúc làm thợ ảnh, ông Phan Chu Trinh không thể nào theo đuổi lâu dài một cuộc đời yên tĩnh và ẩn dật. Ông lại được làm quen với nhà tù "Cherche midi" (đi tìm giữa trưa).

Được thả ra, ông Phan Chu Trinh trở về miền Nam và ở đó ông đã qua đời ngày 24 tháng 3 năm 1926, ở giữa những sự tôn thờ và kính phục của tất cả đồng bào của ông.

Người ta có thể nói : Ông Phan Chu Trinh là người tôn sùng chủ nghĩa hợp tác Pháp - Việt. Ông vẫn thường nói : Để sống và để phát triển ở Á châu này, chúng ta cần phải có một sức mạnh vật chất, mà chỉ có một mình nước Pháp có thể cấp cho chúng ta được : còn về phía mình, nước Pháp muốn giữ được uy tín của mình ở Đông Nam Á lại cần có sự cộng tác của chúng ta. Đoàn kết, chúng ta có thể làm được tất cả, chia rẽ chúng ta không thể làm gì được cả !

Biết rõ sự thấp hèn và những hận thù của bọn quan lại thời bấy giờ, ông Phan Chu Trinh không có thù hằn gì với nước Pháp, nước đã chiếm được trái tim của ông vì đã chấp nhận một cách hào hiệp sự cư trú của ông.

Ông Phan Chu Trinh đã qua đời

Nhưng tư tưởng của ông vẫn còn mãi.

Để trân trọng những kỷ niệm của ông, chúng tôi cũng như những đồng nghiệp của chúng tôi là báo La Tribune Indochinoise

(Diễn đàn Đông Dương) ở trong Nam, cho là người ta không có cách nào làm tốt hơn là đăng lên bản dịch của bức thư đã nói ở trên, được viết vào năm 1906. của ông Phan Chu Trinh gửi cho Toàn quyền Đông Dương, mà phần lớn những kiến nghị vẫn còn giữ nguyên tính chất thời sự nóng bỏng.

L'Annam Nouveau
23 - 3 - 1933



PHẠM DUY TỐN

PHẠM QUỲNH

NGUYỄN VĂN VINH

1922 - DỰ ĐẤU XẢO MÁC - XÂY Ở PHÁP

NHÂN ĐỌC DI CẢO CỦA PHAN CHÂU TRINH

Nguyễn Đình Thắng

Tôi tìm đọc lại những di cảo của cụ Phan Châu Trinh được viết bằng chữ Hán, đây là bản chép tay, hay nói đúng hơn là "bản nháp" mà cụ Phan Châu Trinh còn để lại...

Trước hết nói về đảng phái thời bấy giờ, cụ Phan Châu Trinh cho rằng, lúc này đảng phái chưa hình thành rõ rệt, nhưng nhìn về "chân tướng" mà nói thì nước ta thời ấy có hai đảng đang hoạt động. Một là "Cách mạng đảng" mà người sáng lập là Phan Bội Châu; hai là "Tự trị đảng" mà Phan Châu Trinh là người khởi xướng. Đảng Tự trị thì không có khái niệm trong ngoài vì họ hầu hết là người Quảng Nam, họ bám sát địa bàn cùng đồng bào hoạt động. Sau khi tiến sĩ Trần Quý Cáp lên đoạn đầu đài, các môn đệ của ông có kẻ phải lánh nạn, có khi phải chạy ra nước ngoài nhưng không có tổ chức ở hải ngoại.

Nói về mối quan hệ giữa hai nhà yêu nước (Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh), cụ Phan nói : Phan Bội Châu là người có chí khí, dũng cảm, dám làm, không nghĩ đến mình, dám hy sinh cả tính mệnh. Ông có sức tự tin rất mãnh liệt, dẫu chết sống vẫn không hề thay đổi cái chí của mình. Cuộc đời của Phan Bội Châu là cả một trang sử u sầu, thảm đau, trải qua bao gian lao hiểm trở. Từ nhỏ đến lớn, Phan không hề khuất phục một ai, bất cứ một việc gì. Người đời cho ông là ngông cuồng. Có người rất thâm thù oán ghét ông, có khi muốn hãm

hại ông nữa. Trước vì có can tội nên không được ứng thi. Nhờ có một vị học quan thương tình, rất thích lối văn chương hùng biện của ông, tìm cách giải thoát, nên sau đó ông mới được ra dự thi Hương ở trường Nghệ. Lúc đó ông đã trên 30 tuổi. Sau khi đỗ giải nguyên, ông vào Huế dự kỳ thi Hội. Vào Huế, Phan Bội Châu có ý định làm một cái gì đó cốt để nổi danh, chứ không mong đỗ đạt để ra làm quan. Lần đầu tiên gặp nhau ở Huế vào năm Quý Mão (1903), Phan Châu Trinh đề nghị bỏ cái học khoa cử. Phan Bội Châu cho là đúng. Khoa này Phan Bội Châu và Võ Phương Trứ là những người nổi tiếng về văn chương nhưng cả hai đều hỏng. Họ đã giữ được niềm tin trong giới sĩ phu lúc bấy giờ. Phan Bội Châu viết một bài "Phục quốc luận" lấy nhan đề là "Lưu cầu huyết lệ tâm thư" gửi cho Hồ Lệ, Thượng thư Bộ Binh lúc bấy giờ. Theo Phan Châu Trinh thì, vì không nắm được thực tế, không bám sát thế cuộc, mà chủ yếu cổ động cho tư tưởng bạo động của ông, nên trong bản luận văn này Phan Bội Châu có nhiều chỗ sai lầm lẽ ra không nên có. Thi không đỗ, lại bị bọn thực dân và quan lại Nam triều theo dõi, Phan Bội Châu e rằng mình sẽ bị bắt, nên tìm đường trốn tránh.

Về phần này, Phan Châu Trinh thấy cuộc đời của Phan Bội Châu có nhiều điểm giống mình. Từ bé đến lớn, từ khi bắt đầu vào trường cho đến khi đỗ đạt ra làm quan, từ anh em trong gia đình đến bạn bè ngoài xã hội, liên hữu trong đám quan trường, ai cũng cho ông là ngông cuồng. Lúc còn học ở trường huyện, ông hay lý luận về đời có tính chất "ưu thời mãn thế", nên bị viên Huân đạo ghét, nếu không có quan Đốc học tỉnh Quảng Nam là Tiến sĩ Trần Đình Phong thương tình bỏ qua cho thì cuộc đời Phan Châu Trinh đã bị vui uay. Sau khi

đỗ đại khoa, ông ra Huế cốt là để có dịp tiếp xúc với đám quan trường, để có điều kiện bày tỏ cái chí của mình, chứ không mong ra làm quan để được “sung thê ẩm tử”. Vì cái thế chẳngặng đưng, buộc ông phải nhận chức Thừa biện Bộ Lễ. Sau thời gian hai năm, ông thấy những hạng người “đắc chí” trong đám quan trường toàn là những loại xu thời, vô bổ. Ông đành phải từ quan để tránh xa nơi lợi lộc. Đó là điều giống nhau giữa hai con người. Hai nhà yêu nước lớn Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu kết giao và thân nhau từ đó.

Có người cho rằng, vì “bất đắc chí” trong thi cử, nên Phan Bội Châu bỏ trốn ra nước ngoài, sang Nhật để có điều kiện thực hiện cái chí của mình. Phan Châu Trinh cho đó là một nhận định không đúng. Ông cho rằng, Phan Bội Châu là người có chí lớn, cái gì mà ông đã tin thì nhất quyết làm cho bằng được, để chứng minh cho cái “đúng” của mình, mà con đường bạo động “bài ngoại” là con đường “duy nhất đúng” theo quan niệm của ông. Phan Bội Châu cho rằng, muốn cương quyết bạo động chống Pháp thì hiện thời chưa có lực lượng, không thể thắng nổi, tất sẽ phải chết. Muốn dựa vào Pháp để thực hiện chủ nghĩa “Tự trị” như Phan Châu Trinh thì Pháp cũng chẳng dung tha. Tốt hơn hết là tìm đường “ỷ ngoại”, nhờ một nước thứ ba nào đó giúp mình. Nhưng, nhờ thì nhờ ai? Đi thì đi bằng đường nào? Trong lúc ông đang lúng túng, suy tính, thì đúng vào dịp Tết Bạt Hồ từ nước ngoài về. Tết Bạt Hồ là người đưa đường cho ông sang Trung Hoa, rồi qua Nhật Bản, Phan Châu Trinh cho rằng giá như Phan Bội Châu thì đỗ, lại được Pháp trọng dụng thì chưa chắc ông đã phục tùng. Đó là tính cách của Phan Bội Châu. Nếu ai cứ cho rằng: Phan Bội Châu “bất đắc chí” trên con đường vận động cách mạng theo

tư tưởng bạo động của mình thì còn có thể chấp nhận được. Con đường “hoạn lộ” hợp tác với Pháp rất xa lạ với Phan Bội Châu. Về phần này, Phan Châu Trinh còn đưa ra trường hợp của mình để làm ví dụ. Ông nói, cả cuộc đời ông không có lúc nào “đắc chí”, kể cả thời gian làm Thừa biện Bộ Lễ. Nhưng rồi, có một hôm bất ngờ ông được Đào Nguyên Phổ tặng một quyển “Tân thư” dịch từ một tác phẩm châu Âu sang chữ Hán, ông sung sướng cho rằng, cái “ngông cuồng” hay cái “bất đắc chí” của ông đã đến thời hữu dụng, chưa chắc sẽ không bỏ ích cho đời. Dưới con mắt của ông, những người “đắc chí” thì toàn là kẻ không có đầu óc dân tộc, không có cái tài kinh bang tế thế, không có khả năng chuyên môn ở mức độ tối thiểu. Cũng như Phan Bội Châu, cái thuật, cái tài, cái hiển vinh của những con người “đắc chí” không phải là ông không có khả năng làm được nhưng ông không làm. Cái chí của ông là thế! Đó là cái chí “Khai trí trị sinh”, từ quan về quê khởi xướng ra nền tân học. Dù có bị nhục hình, giam cầm ở nơi bồng đảo xa xôi cũng còn hơn là được lên võng xuống dù, xe đưa ngựa rước như những hạng người “đắc chí” trước mắt ông.

Chúng ta thấy sự giống nhau về tính chất, giống nhau về chí khí, giống nhau về cảnh ngộ và nhiều mặt khác, khiến hai cụ thân nhau từ những ngày đầu mới gặp. Nhưng rồi, hai cụ phải xa nhau chỉ vì nhãn quan, cách nhìn đời của mỗi người một khác. Phan Châu Trinh lặn lội, vượt biển băng ngàn, không sợ nguy hiểm, theo ra nước ngoài để gặp Phan Bội Châu. Ông cho rằng còn ở trong nước bị cái học mờ tối của cái chế độ khoa cử ràng buộc trí não con người, nên Phan Bội Châu nhìn đời chưa được toàn diện, ra sức chủ trương bạo động. Khi đã ra nước ngoài thì trí thức được mở mang, học vấn ngày càng

được mở rộng, càng va chạm với thực tế ngoài đời nên rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm và do đó tầm nhìn tất phải khác trước. Cái mộng "bài ngoại" mà đặc biệt là tư tưởng "ỷ ngoại" sẽ mờ dần trong con người Phan Bội Châu, nhưng khi gặp nhau ở Hương Cảng và ở Nhật, Phan Châu Trinh thấy nhận định về thế cục của Phan Bội Châu chẳng có gì thay đổi. Ông đã lấy tình bạn khuyên nhủ nhưng Phan Bội Châu vẫn "ngoan cố" (chữ dùng của Phan Châu Trinh) và kiên trì cái chí mà ông đã theo đuổi từ trước. Phan Châu Trinh thất vọng trở về. Từ đó, mỗi người đều hướng theo con đường mà mình đã vạch. Phan Châu Trinh còn nói, sợ dĩ ông không ở nước ngoài để khuyên người xuất dương du học như Phan Bội Châu, vì ông nghĩ rằng, cái chí của ông cốt ở chỗ "khai trí trị sinh", vận động cách mạng, mở mang dân trí, cải thiện đời sống ngay trên quê hương mình. Còn việc khuyên người du học, sau khi họ học xong trở về nước, Pháp lại không dùng thì dù có tài giỏi cũng hoá ra vô ích. Đó là chưa nói đến sự vận động tiền của cho người ra du học nước ngoài. Chuyện ấy đâu phải dễ! Chẳng may mà bại lộ thì họ chỉ mất tiền mà còn bị vạ lây. Ông không bao giờ làm như thế!

Sau khi về nước, ông lại tiếp tục nhiệm vụ cách mạng trên "trận địa" của ông. Ông nghĩ rằng, đã gọi là chí sĩ thì sống chết là chuyện thường, chỉ có cái sống không đáng sống, cái chết không nên chết mới là điều đáng nói mà thôi. Còn như cứ sống ở nước ngoài gửi sách báo về nước hô hào dân nổi dậy thì chẳng khác nào như mình đã sợ chết lại xui đồng bào dân thân vào cõi chết vậy. Ông nhất quyết không làm.

Để thấy rõ đường lối vận động cách mạng của Phan Châu Trinh lúc bấy giờ có khác gì với tư tưởng bạo động của Phan

Bội Châu, tôi xin nêu chương trình hành động của đảng "Tự trị" do Phan Châu Trinh khởi xướng.

1. Gửi thư cho chính phủ Pháp, công kích bọn tham quan ô lại ở Nam triều;
 2. Lập hội buôn để mở mang và lưu thông kinh tế;
 3. Mở trường phổ thông tiểu học ở nông thôn dạy ba thứ chữ : Quốc ngữ, tiếng Pháp và chữ Hán;
 4. Lập hội tân học để thảo luận, bàn bạc, trao đổi (hội thảo) cái mới trong học thuật;
 5. Lập hội diễn thuyết để tuyên truyền cái mới, cái hay, cái đẹp trong dân chúng;
 6. Lập hội trồng cây để bảo vệ môi trường trong dân chúng cho đất nước thêm xanh tươi và chậm nhất là sau 10 năm sẽ có gỗ xây dựng;
 7. Lập hội cắt tóc và may quần áo ngắn, tạo cho dáng người mạnh khỏe, gọn gàng.
- Ngoài ra còn dự kiến thành lập hội trồng dâu nuôi tằm và hội cải tiến khung dệt vải ta từ khổ hẹp lên khổ rộng.
- Càng đọc lại nhiều lần tôi thấy trong bản "Di Cảo" còn nhiều điều thú vị. Trong phạm vi bài này xin phép dừng ở lại đây.

KỶ NIỆM 117 NĂM NGÀY SINH VÀ 63 NĂM NGÀY GIỖ ÔNG NGUYỄN VĂN VĨNH

Ông Nguyễn Văn Vĩnh là người chiến sĩ cách mạng đổi mới có đủ tư cách nhất, trung thành nhất, thực hiện một cách đầy đủ, sáng tạo và có hiệu quả nhất chương trình hành động của Đảng Tự trị do ông Phan Châu Trinh đề xướng năm 1906.

Trong suốt 30 năm, từ 1907 đến 1936, từ Đảng Cổ Tùng báo đến L'Annam Nouveau, từ Tân Nam tử là Người Nam mới đến Nước Nam mới. 12.000 ngày, không ngày nào ông rời quản bút để viết về cuộc cách mạng đổi mới và cách mạng văn hoá chữ Quốc ngữ.

1930 thực dân Pháp tịch thu nhà in Trung Bắc Tân Văn và thu hồi giấy phép xuất bản sách báo chữ Quốc ngữ của ông. Ông không đầu hàng và không chịu bó tay, ông đã tập hợp lực lượng trí thức mới, không được thành lập Đảng chính trị thì ông lập hội buôn bán, in và xuất bản báo L'Annam Nouveau, vì báo viết bằng Pháp văn không phải xin giấy phép và không bị kiểm duyệt.

1935 chúng đã tịch thu hết tài sản của ông, đuổi gia đình ông ra đường, buộc ông phải từ bỏ báo "Nước Nam mới" để biệt xứ sang Lào, lấy danh nghĩa là tìm vàng để giả nợ Ngân hàng Đông dương.

1-5-1936 ông từ trần, nằm một mình trên một chiếc thuyền độc mộc, bồng bênh trên dòng sông Sê-ban-hiên sau một cơn

giếng tố, không ai hay và cũng chẳng ai biết tại sao. Tay ông vẫn cầm cây bút máy đang viết dở dang thiên phóng sự cuối cùng "Một tháng với những người đi tìm vàng". 1999 năm cuối cùng của thế kỷ XX, để tưởng nhớ ông và biết rõ hơn về ông và sự nghiệp của ông, chúng tôi sẽ lần lượt dịch hết trên 1000 bài báo ông viết bằng Pháp văn trong báo L'Annam Nouveau.

NHỮNG BÀI ĐÃ DỊCH VÀ ĐÃ IN LẠI :

- | | |
|---|-----------|
| 1. Một tháng với những người đi tìm vàng | 100 trang |
| 2. Thư của ông Phan Châu Trinh gửi toàn quyền Đông Dương năm 1906 | 50 trang |
| 3. Phan Bội Châu người cách mạng hối hận | 60 trang |
| 4. Tờ báo này ra đời như thế nào ?
và một số bài xã luận khác | 100 trang |
| 5. Nói thẳng (tổng kết đường lối CM đổi mới) | 60 trang |
| 6. Từ triều đình Huế trở về | 50 trang |
| 7. Ông Phạm Quỳnh nhận xét lập trường chính trị của tôi | 30 trang |
| 8. Những nhân vật đổi mới từ trần | 50 trang |
| 9. Truyện Thuý Kiều | 25 trang |
| 10. Trẻ con hát trẻ con chơi | 80 trang |
| 11. Chữ Quốc ngữ đổi mới | 60 trang |
| 12. 12 bài xã luận về Tết và đời sống | 80 trang |

Trong tập 13 này chúng tôi dịch và in lại 10 bài về báo chí và nhà in.

Phần dịch ra chữ Quốc ngữ in thành một quyển, và phần Pháp văn in thành một quyển để tham khảo.

Mong rằng những tài liệu này giúp ích được những người yêu lịch sử, có thêm tài liệu chính xác để tham khảo.

Hà Nội, ngày 1/1/1999
Các con, cháu và chất
Ông Nguyễn Văn Vĩnh



VIẾNG MỘ ÔNG NGUYỄN VĂN VĨNH TRÊN CÁN ĐỒNG
LÀNG PHƯỢNG VŨ - PHÚ XUYÊN - HÀ TÂY

ĐIỀU VĂN CỦA ÔNG DEMAS

(Chủ tịch của Hội những quyền của con người
và của công dân Chi hội Hà Nội)

Nhân danh Chủ tịch Chi hội Hà Nội của Hội nhân quyền, tôi đau đớn được vinh dự thay mặt Hội và Chi hội Hà Nội đến viếng người hội viên và người bạn vô cùng thương tiếc của chúng tôi là ông Nguyễn Văn Vĩnh, ông đã là một hội viên trong số những hội viên lâu năm nhất và tiêu biểu nhất.

Hội của chúng tôi cho tới nay vẫn còn đang rung động về những cuộc đấu tranh ban đầu được tiến hành lúc ông Nguyễn Văn Vĩnh chỉ mới 25 tuổi, hội đã hân hoan đón nhận ông vào hội.

Ngoài tôi ra, đến nay chỉ còn mỗi ngày một ít, trong số những người còn sống từ thời xa xưa đó, còn có thể hồi tưởng lại chân dung đích thật của người hội viên trẻ này. Tôi chỉ được biết ông về sau này, lúc đó tuổi tác đã nhuộm bạc mái tóc của ông, và tạo ra những vết nhăn trên khuôn mặt cao quý và thanh nhã của ông, làm ánh lên một sự trưởng thành linh lợi và đầy đặn kinh nghiệm, thời gian không làm giảm bớt nhiệt tình say mê sự công bằng của ông.

Làm thế nào mà đứng vững với lý tưởng của hội chúng ta được, con người ấy luôn luôn đứng trên những cuộc đấu tranh vô nghĩa giữa các đảng phái; con người mà trước một sự bất công, hoặc một sự độc ác thấy là như chính mình đang phải chịu đựng. Con người mà cuối cùng cả một hàng ngũ trí thức An Nam, mỗi ngày một đông hơn đều tôn trọng như một người thầy đáng kính.

Người ta không thể nào kể lại một cách sơ lược vai trò của ông ở trong lòng của hội chúng tôi, nếu không tôn ông lên thành một nhân vật lịch sử, phải viết rất dài mới thấy được rõ địa vị của ông ở trong hội, ông luôn gắn chặt những hoạt động của mình với hoạt động của hội. Vì vậy mà tôi chỉ hạn chế trong việc kể lại cuộc vận động của ông trong năm 1908 đã dẫn tới kết quả giải thoát được cho nhà trí thức nho học vĩ đại Phan Châu Trinh, đã bị toà án triều đình Huế kết án tử hình, chỉ vì ông đã viết trong một bài kêu gọi nhân dân tố cáo những sự lũng đoạn và lạm quyền của bọn quan lại bộ trưởng thời bấy giờ, ông Nguyễn Văn Vĩnh đã đứng ra và phổ biến rộng rãi tài liệu kết tội đó cho quần chúng nhân dân biết. Để đảm nhận trách nhiệm này, phải có một lòng dũng cảm khác thường, chính đây là một hành động cương quyết của hội do ông làm động cơ, kết quả là đã cứu được cụ Phan thoát khỏi tử hình.

Lòng dũng cảm không phải là đức tính duy nhất của người bạn vô cùng thương tiếc của chúng ta. Trí thông minh đặc biệt của ông, lòng hăng say đảm nhiệm công việc của ông, sự kỳ lạ của trí nhớ của ông, đúng là một pho tự điển bách khoa, nó đã đưa ông đến thành công trong mọi lĩnh vực, đủ các mặt về những hoạt động và hiểu biết của loài người : khoa học, luật pháp, ngoại ngữ, đã làm cho ông trở thành một nhà triết học, và một người thông thái, mà ông có thể tự hào, nếu sự nhún nhường không ngăn cản ông, chúng ta có thể khẳng định không có điều gì là nhân đạo mà ông không am hiểu.

Những giai đoạn cuộc đời của ông đã hoàn thành rất tốt, đã nói lên được ở đây nhiều điều khác nữa.

Ông đã lần lượt là một người viên chức trẻ nhất, là người đầu tiên trong số những người viết báo An Nam, là tác giả, là

dịch giả, là nhà xuất bản, là người làm chính trị, là hội viên những hội đồng tối cao đã được bầu lên ở xứ này.

Đối với tôi, tôi nhấn mạnh chủ yếu vào việc ông đã đóng góp một phần đặc biệt vào việc làm cho người Pháp và người Nam xích lại gần nhau, vì tôi tin tưởng rằng chính là ở trong lòng của hội, rất xa lạ với tất cả những thành kiến về chủng tộc, hoặc về tôn giáo, đã gợi lên cho ông sự cần thiết phải có một sự hợp tác tin cậy và quý mến lẫn nhau và một tình bạn anh em, nó là truyền thống của Chi hội Hà Nội của Hội nhân quyền.

Những bất đồng đã làm chia rẽ mọi người và các dân tộc phần lớn là vì thiếu hiểu biết chỗ đứng của nhau. Ông Nguyễn Văn Vĩnh biết rất rõ điều này vì ông có kinh nghiệm, ông đã được đi du lịch đến hầu hết các thủ đô các nước châu Âu và các thành cổ của nước Trung Hoa.

Người An Nam gắn bó chặt chẽ với luân lý thờ phụng tổ tiên và với những phong tục Á Đông, ông đã không từ bỏ những phong tục đó để tạo thành một nhân cách vững mạnh của ông, được nâng cao lên tới một trình độ mà những nhân cách và nền văn minh Âu Tây khó mà đạt được.

Hơn hẳn bất cứ người nào, ông có đủ tư cách để hoàn thành hai nhiệm vụ là làm cho người Pháp hiểu rõ được tâm hồn An Nam, nổi tiếng là kín đáo, chỉ nhờ có những cách đó mới đẩy lùi được đầu óc bảo thủ và sự lười biếng suy nghĩ về những vấn đề tâm lý tế nhị này và phát hiện ra cho những đồng bào của mình thấy được nguồn gốc cao thượng nhất của nền văn minh Pháp.

Dịch những tác phẩm của Victor Hugo, của Alexandre Dumas, của La Fontaine ra một tiếng nước ngoài đã là một nhiệm vụ đầy khó khăn. Và khi mà tiếng đó lại là tiếng An

Nam, là chữ quốc ngữ, một thứ tiếng độc âm, một thứ chữ viết mới được sáng tạo ra chỉ để trao đổi những ý nghĩ đơn sơ nhất, điều đó như một thách thức không thể nào thực hiện được. Ông Nguyễn Văn Vĩnh đã làm được việc kỳ diệu đó. Nhưng trước tiên ông đã phải xây dựng một ngôn ngữ viết, thay thế cho chữ Nôm cổ xưa, được coi như một chữ viết thiếu số Trung Hoa. Từ một thứ chữ viết chưa thành hình, nó bó buộc ông; ông đã thật là một người thợ kim hoàn kiên nhẫn, và đã mài dũa thành một ngôn ngữ viết bóng bẩy và trơn tru đã phản ánh lên được những màu sắc tinh vi nhất của ánh sáng mặt trời.

Đối với chữ Quốc ngữ, ông là một nhà văn phạm, nói không ngoa ông chính là người sáng tạo ra văn chương chữ Quốc ngữ, việc này đã tôn ông lên một địa vị đặc biệt trong lịch sử văn chương của nước này.

Ông đã nêu lên một khẩu hiệu "Nước Nam ta mai sau này hay dở cũng ở chữ Quốc ngữ".

Cũng là nhờ có ông, nhờ có sự cố gắng phi thường của ông, mà người Nam có thể đọc được những tác phẩm bất tử của chúng ta và làm rung động lòng xúc cảm nghệ thuật cao cả đó, nó là của tất cả các thời đại và của tất cả các đất nước.

Song song với việc phục vụ người Nam, ông còn theo đuổi phục vụ người Pháp, ông là tác giả, là nhà báo, là nhà dịch thuật, là nhà xuất bản, là nhà luật gia, tác phẩm phổ thông của ông đã giúp đỡ chúng ta hàng ngày.

Ông đã nắm vững tiếng Pháp và những tinh vi, tế nhị nhất của nó, tới một trình độ mà nhiều người Pháp phải ghen tị với ông.

Tôi chỉ kể ra đây để chứng minh bài phóng sự ông gửi về, được đăng trên báo L'Annam Nouveau, viết về cuộc du lịch cuối cùng và không may mắn của ông sang nước Lào đầy bí

ẩn để đi tìm vàng. Bài phóng sự này nếu được in thành sách, tôi tin chắc rằng sẽ được rất nhiều người hoan nghênh, là bài phóng sự hay nhất và viết có cá tính nhất. Trong đó có rất nhiều chỉ dẫn về đủ các mặt, thể hiện rất rõ một ký quan về trí thông minh của tác giả.

Đối với tất cả chúng ta ông là một tấm gương rất hiếm hoi, cho chúng ta thấy là sự lo lắng để khôi phục lại tình thế vật chất trong kinh doanh đã bị phá sản vì kinh tế khủng hoảng, đã không có ảnh hưởng gì đến những đức tính tự chủ và vì mọi người của người bạn của chúng ta.

Thay thế cho cái "kim loại lừng danh" này, là nguyên nhân của bao nhiêu sự xáo trộn và bao nhiêu sự đấu hàng tinh thần, ông đã phải xa cách gia đình, xa cách thành phố của mình, xa cách những người yêu thương mình để tìm thấy cái chết bất khuất.

Nhưng ông đã tìm thấy những kho báu quý hiếm nhất hơn cả những đồng hạt vàng ghê tởm.

Đó là để lại phía sau mình một hàng ngũ hậu thế đông đảo, những học trò và những người bạn chân thành trong sự đau thương, tất cả một dân tộc biết ơn về những công lao của ông đã để lại cho họ.

Đó là để lại một công lao không có lầm lỗi và một lịch sử không có vết nhơ.

Từ biệt ông Nguyễn Văn Vĩnh, mong rằng đất nước tổ tiên ông là nhẹ cho thể xác của ông.

M. DELMAS
Báo L'Annam Nouveau
 Số 545 7/5/1936

ĐIỀU VĂN CỦA ÔNG HENRI TIRARD

(Nhà báo Pháp lão thành ở Bắc Kỳ
đọc trước mộ ông Nguyễn Văn Vĩnh)

Thưa các bà,

Thưa các ông,

Nhân danh báo chí Pháp, tự do và độc lập, nhân danh báo chí Đông Dương mà tôi là người cao tuổi nhất đã đến tiễn đưa ông Nguyễn Văn Vĩnh đến tận nơi an nghỉ cuối cùng và gửi ông lời chào tiễn biệt cuối cùng.

Bạn đồng nghiệp của tôi ở Hải Phòng đã kể lại cuộc đời của ông Nguyễn Văn Vĩnh, đã nói là ông đã sáng lập nên "Đại Nam đồng văn nhật báo" tờ báo An Nam đầu tiên viết bằng chữ nho có phần bằng Quốc ngữ do ông Nguyễn Văn Vĩnh viết.

Vào năm 1893 ông Nguyễn Văn Vĩnh mới lên 12 tuổi, ông không thể nào cộng tác với tờ công báo đó do cổ Toàn quyền Đông Dương ông de Lanessan sáng lập vào tháng 9/1891. Tờ báo này cũng giống như tờ "Thông báo của các cộng đồng" được sáng lập ở Sài Gòn vào năm 1862 và được viết bằng chữ nho, được coi như một tờ phụ trương của "Gia Định báo" của Nam Kỳ có mục đích thông báo cho nhân dân bản xứ biết về những quyết định của Chính phủ Pháp, những mong muốn và mục đích của sự có mặt của nước Pháp ở Bắc kỳ. Tờ thông báo này do những nhà trí thức nho học do quan lớn Kinh lược

lựa chọn để viết bài.

Cũng còn có tờ "Đại Nam đồng văn nhật báo" hay "Tin mới của nước An Nam" được xuất bản ở Hải Phòng, mỗi tuần ra một số. Phần chính trị của tờ báo được viết theo tờ "Le Courier d'Haiphong" (Tin tức Hải Phòng), còn phần thương mại của tờ báo là thông báo thương mại của M.A.R. Marty. Tờ báo này chỉ viết bằng chữ nho, được xuất bản rộng cho những người Hoa.

Lại còn có tờ "Tin tức Huế" là tờ thông báo chính thức của Chính phủ An Nam, xuất bản mỗi tuần một số. Tờ báo này đăng những quyết định tuyển những công chức, những quyết định của triều đình Huế, và những thông báo về những kết quả thi cử sau những kỳ thi nho học.

Nhiều năm về sau, sau hiệp định ngày 6/6/1884, tờ báo "Tin tức Huế" vẫn còn thông báo những chỉ thị chống lại chính phủ Pháp.

Dưới thời Tôn Thất Thuyết (1883 - 1885) còn được in ra tờ Thông báo chính thức bí mật.

Tờ "Tin tức Huế" chỉ dành riêng cho những viên chức An Nam, không thể mua báo được.

Trong giai đoạn này, giai đoạn khởi đầu của báo chí ở Bắc Kỳ, ông Schneider, xuất thân là một thợ nhà in ở Nhà in Quốc gia của xứ Bảo hộ, lúc đó ông còn là phân xưởng trưởng. Về sau Schneider, trở thành chủ nhà in tự do, ông đã mua lại tất cả những máy móc công cụ của chính phủ, xuất bản tờ "Trung bắc tân văn" cùng hợp tác với ông Nguyễn Văn Vĩnh.

Lịch sử báo chí ở Đông Dương được xây dựng lại như vậy, chúng ta có thể nói ông Nguyễn Văn Vĩnh là người làm cho báo chí bản xứ trở nên sống động. Mới gần đây ông đã trở

thành người viết báo cao tuổi nhất ở Bắc kỳ.

Công trình mà ông đã hoàn thành là khá đẹp đẽ và vĩ đại, nhưng không phải vì thế mà gán cho ông là người sáng lập nên báo chí, báo chí đã có từ lúc ông hãy còn là một đứa trẻ.

Ông Nguyễn Văn Vĩnh đã biết tự mình tạo ra một nhân cách riêng. Ông đã trở thành một một trong những người tiến bộ nhất về mặt chính trị. Đã có lúc ông mơ tưởng một nước Cộng hoà An Nam, với một Chủ tịch, dưới sự bảo hộ Pháp. Những bài báo của ông viết bằng chữ Quốc ngữ, trong thời gian của cuộc Cách mạng Trung Hoa, lúc đó Viên Thế Khải mới được bầu làm Chủ tịch của nước Cộng hoà Trung Hoa, ông đã không dấu mong muốn của mình được trông thấy đất nước mình sống dưới chế độ Cộng hoà Pháp.

Rất tiếc là ông Nguyễn Văn Vĩnh, một trí thức An Nam và Pháp, đã phải đấu tranh chống bọn "tài chính thuộc địa" bọn chúng đã bắt buộc ông phải từ bỏ tờ báo L'Annam Nouveau của ông, đứa con đẻ của ông, để về sau đó bắt buộc trở thành một người đi tìm vàng, một nghề mà ông không được chuẩn bị trước và nghề đó đã giết chết ông.

Ông Nguyễn Văn Vĩnh đã đi sang Lào để tìm vàng, ông đã tưởng có thể khám phá ra xứ Ê-đen này, những mẫy vàng quý quái, nó có thể tạo ra những phương tiện để có thể trình bày những ý nghĩ của mình hoàn toàn tự do, và để nói lên, những điều mà ông không biết dấu giếm, khi ông tin tưởng mình bảo vệ một lý tưởng đúng đắn và thẳng thắn. Trong bài phỏng sự cuối cùng của ông viết từ trên bờ sông Mê Kông gửi về, ông đã giới thiệu với chúng ta một người Pháp thuộc địa mà ông đã gặp trong rừng sâu, người Pháp này chỉ sống một mình, không lưu ý gì đến những sự kiện chính trị và xã hội đã xảy ra ở ngay

cạnh hay ở tận xa mình để mà sống, và ông Nguyễn Văn Vĩnh đã ca ngợi người Pháp đó, đã lao động cực nhọc, và ông cũng mong rằng có nhiều người Pháp loại như thế đến với xứ sở Bắc kỳ của ông, để có được một sự hợp tác chặt chẽ Pháp - Việt trong lao động, về điều này ông thật là có lý.

Năm 1931, ông Nguyễn Văn Vĩnh đã được Toàn quyền Đông Dương René Robin chỉ định làm đại diện cho báo chí bản xứ ở Bắc kỳ tại hội chợ thuộc địa quốc tế ở Paris. Tôi rất tiếc là ông Nguyễn Văn Vĩnh lúc đó đã phải chống trả những thế lực muốn loại bỏ những công trình của ông, và ông không đến được Paris, để ngồi cạnh tôi ở Đại hội báo chí thuộc địa Pháp và quốc tế, nếu ông có mặt, ông có thể đóng góp được những ý kiến hữu ích trước tất cả những nhà báo thuộc địa ở ngay chính quốc, họ biết rất ít về những đề tài mà họ bàn bạc và họ sử dụng những tài liệu của các đồng sự thuộc địa, không tôn trọng bản quyền của tác giả.

Bạn đồng nghiệp của chúng ta - ông Nguyễn Văn Vĩnh - qua đời phải được coi là một bài học cho những đồng nghiệp trẻ Pháp và Nam của chúng ta. Họ phải nhớ rằng nghề làm báo chỉ nuôi sống vừa đủ người viết báo, nếu người ấy muốn giữ vững là người lương thiện, tự do, độc lập.

Tất cả những nhà báo mà chúng ta đã tiễn đưa đến nơi nghỉ cuối cùng, ở đất nước này đều từ trần nghèo khổ. Có khi còn để lại ở sau họ sự đói rách, sau khi đã đòi hỏi cho tất cả quyền làm người, bảo vệ người này, bênh vực người khác. những ông lớn ở trên trái đất và những người bình thường. thế mà lòng ích kỷ muốn rằng họ không cần quan tâm đến phải biết nếu người làm báo sau này có được bảo hiểm sinh mạng. cho người vợ góa của mình. hoặc là một chế độ hưu cho những

năm già yếu, chế độ hưu mà hiện nay tất cả những người lao động chân tay đều đã được hưởng.

Ông Nguyễn Văn Vĩnh ông đã là một nhà viết báo có tài của báo chí tự do và độc lập. Ông hãy yên nghỉ. Tôi xin cúi chào một lần cuối cùng thi hài của ông.

HENRI TIRARD
L'Annam Nouveau
Số 545 - 7/5/1936



27-4-1936 NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG CỦA ÔNG
NGUYỄN VĂN VĨNH Ở BÊN LẠO

LỜI NÓI ĐẦU ĐĂNG CỔ TÙNG-BÁO CỦA F.H. SCHNEIDER 1907

Thưa cùng các ông xem báo

Tôi sang nước Nam, năm nay là được 25 năm, khi tôi ở Đại-pháp bước chân đi, hôm ấy là ngày 20 juillet 1882, thì trong bụng tôi cũng như mọi người, nghĩ lấy làm phiền lòng, vì phải bỏ anh em, bỏ họ hàng, bỏ bạn bè, bỏ vui thú, bỏ nơi cha mẹ sinh ra, mà đã ở được cho đến 32 tuổi đầu. Lúc bấy giờ còn tưởng cõi Đông Dương này là nơi đầy đoạ, chỉ có ý sang làm thế nào cho trốn được về mà thôi. Khi ấy tôi tình nguyện với Thủy-bộ đi ba năm, mà trong bụng chỉ định thế nào cho trốn hết hạn để lại về quê cha đất tổ.

Thế mà thấm thoát đã 25 năm nay rồi mà bây giờ tôi vẫn còn ở đất Đông-dương.

Tôi không ngờ dân giới nam khéo quyến rũ người như thế, để cho người nước tôi ai đến cũng muốn coi ngay như là quê hương thứ hai của mình.

Không ngờ rằng sang đây lại gặp được một dân đáng ân ái là nhường ấy, mà dẫu thiên hạ hay nói thế nào mặc lòng, tôi vẫn cho người xứ này là có ý tứ, có trí khôn, chịu nghĩ, giống dân Đại-pháp chúng tôi quá. Tôi trách rằng người phương Đông bây giờ thực háo hức biết, và làm chước mới để dựng xã hội, và đã biết chịu bỏ cái văn-minh thượng cổ, là văn-minh đã quá thời rồi, để hái lấy quả văn-minh thời nay, mà nước Đại-pháp tôi đã deo hột bốn phương, lắm khi phải tưới bằng máu đào để gây mầm Tự-do, mầm Bình-đẳng, mầm Đồng-bào.

Nhà nước đã định cho trong Nam-kỳ-lục-tỉnh in ra một cái Nhật-báo bằng tiếng bản quốc đã lâu. Nhật-báo ấy tên là "Nam

kỳ báo" bằng chữ nho, vì khi bấy giờ ở Bắc-kỳ chưa mấy người biết chữ quốc-ngữ. Đến năm 1893 tôi đã xin và được phép đặt ra ở Hà Nội một cái nhật báo.

Từ đấy thế sự đã đổi, và chính-phủ nước Đại-pháp cũng đã biết rằng dân An-nam đã qua thuở âm-a rồi, cho nên bây giờ cho phép đặt ra báo-quán tự do.

Vậy cái "Đại-nam-đồng-văn nhật-báo" cũng phải theo thời. Trước kia là quan báo, nay xin cải ra làm một trường nhật-báo thực tự do, đem trình cùng các Quý-khách, từ Phương bắc đến Phương nam cõi Đông-dương.

Kỳ thủy tôi đã định bỏ hẳn chữ nho đi, chỉ làm bằng chữ quốc-ngữ thôi; vì chữ nho quá là một cái hàng dào hiểm trấn ngang đường văn-minh, làm cho kẻ đi học mỗi lung, tốn cơm gạo mới dùng được chữ; khi dùng được chữ thì chán đã dẫn. Lung đã còng : vì nổi dùi mài một đời học các điều cao xa quá. Chữ thâm, chữ hại, làm cho ai mó đến thì phải quên cả việc thường đời nay, để học việc đời xưa, đời xưa thực chết rồi ! thực xa rồi ! Trước tôi nghĩ thế, song lại nghĩ rằng ở Bắc-kỳ với Chung-kỳ còn ít người biết chữ quốc-ngữ lắm. Rồi tất cũng biết cả, trắc cũng không lâu, và việc học chữ quốc-ngữ Bản-báo sẽ dùng hết chước để cho dân đều biết.

Như vậy cho nên trong Nhật-báo còn nhiều bài ta dùng cả hai thứ chữ : chữ nho và chữ quốc-ngữ.

Tôi phải chiều ý người như thế, vì quá bụng tôi chỉ cốt cầu một điều, là : Nước Đại-pháp tôi đã sang bảo hộ nước Nam, thì tôi muốn hết lòng làm cho người An-nam hiểu biết rằng nước Đại-pháp tôi từ xưa nay hết sức gắng bao nhiêu, mà bây giờ vẫn gắng bao nhiêu, để cho dân nước Nam học lấy sách thực là sách dạy cho dân biết tự-do, là sách dạy chính-trị để người

ta biết bình đẳng, sách dạy thuật xã-hội để cho người ta biết đồng-bào.

Trước khi có quan Thượng-thư bàn lập Tây nam hội thể, tôi đã tưởng đến điều ấy rồi. Nay tôi muốn tỏ ra rằng bây giờ tôi nghĩ thế là phải; hễ hai giống còn gắng sức kéo mỗi bên một ngã, thì còn không thành cơ cực gì được: phải hai bên cùng hội sức lại, cùng cố gắng một bề thì mới nên công quốc hay được.

Vị thế cho nên tôi mới đặt hai cái nhật-báo, cùng theo đuổi một đích : một cái bằng chữ lang-sa để nhủ lòng người lang-sa, tên là "Tribune Indo-Chinoise", một cái bằng chữ quốc-ngữ và chữ nho để nói với người bản quốc tên là : "Đại-nam đồng văn nhật-báo"

Hai trương báo khác tên nhau, nhưng cũng một tên nhỏ là "Đăng cổ tùng báo" ý cũng dựa chữ Tribune.

Hai cái Nhật-báo ấy cùng dương một hiệu cờ; cờ hiệu ta đem trưng-trình để bằng chữ lửa : Trưng-trình ta là : Làm, hết sức làm, nhưng hai tay làm một việc; chớ đừng tay nọ co đi, tay kia kéo lại. Hợp lực tương trợ đồng làm cộng tế !

Bảo báo sẽ có hai toà soạn : một toà tại Hà-nội, một toà tại Sai-gon. Nhưng bây giờ mới mở ra, hăng đặt một toà ở đây thôi, lúc nào rộng thể lại thiết thêm một toà nữa tại Sài-gòn.

Và quốc này muốn làm cho to, rồi sau phải lập nên một hội vốn liếng cho nhiều hơn cái phần tôi có thể phí được vào việc này bây giờ.

Từ hôm nay giờ đi ai có lòng dúp bản-báo, thì xin hễ có điều gì hay cho bản-báo biết.

F.H. Schneider

Toà soạn báo phụng dịch y nguyên bản.

10 BÀI XÃ LUẬN BÁO L'ANNAM NOUVEAU
CỦA ÔNG NGUYỄN VĂN VĨNH
VIẾT VỀ BÁO CHÍ VÀ NHÀ IN

BÁO CHÍ VÀ NHÀ IN

Điều làm cho báo chí bản xứ phải xin phép và bị kiểm duyệt tỏ ra như một biện pháp làm cho người ta bị xúc phạm, chính là vì chế độ tự do mở nhà in và mở hiệu bán sách, chỉ bị tịch thu và cấm đoán bao giờ cũng rất chậm.

Áp đặt những biện pháp làm hạn chế các nhà in, sẽ dẫn tới khuyến khích những phương pháp cũ kĩ in bằng khắc gỗ, vì không có công nghiệp của Pháp về in ty-pô. Vì nhân dân An Nam chưa bao giờ biết và cho đến nay vẫn chưa biết phương pháp linotype và in liên tục bằng giấy cuộn (rotative) có năng suất cao, là những phương tiện để truyền bá tư tưởng được nhanh chóng hơn so sánh với phương pháp in cơ giới bình thường bằng máy in trắng.

Với những phương pháp in bằng những tấm khắc gỗ và phân công cho các gia đình trong cả một làng ở Hải Dương để cùng in, người ta đã đạt được không khó khăn gì về năng suất về số lượng bản in, để có thể in được một quyển sách dày 200 trang, in ra được 100.000 bản cả đóng thành sách, trong thời gian dưới một tháng. Trong lúc ở các ở các nhà in được trang bị bằng máy in ty-pô ở Hà Nội, chỉ có thể in xong được số lượng đó trong gần hai tháng.

Một mặt khác phương pháp in li-tô viết chữ bằng tay không còn có gì bí mật nữa đối với bất cứ người nào. Chỉ cần một vài tấm kẽm, hai tờ bia cứng và một máy thủ công, chủ yếu được làm bằng hai trục gỗ tròn bằng gỗ cứng, mực in li-tô công thức

pha chế mọi người đều đã biết, một vài hoá chất mua ở hiệu thuốc nào cũng có. Đây là một công cụ hoàn chỉnh để in sách, in truyền đơn bằng bất cứ ngôn ngữ nào.

Như vậy thiết lập một chế độ kiểm tra thật sự là vô ích. Nhất định là khuyến khích việc thành lập những nhà in ty-pô bình thường còn tốt hơn nhiều, ít nhất người ta còn có thể kiểm tra được. Người ta bao giờ cũng có thể tìm ra được cái máy in đã được dùng để in ra một bản in và tìm ra được người phải chịu trách nhiệm.

Đấy là những lý do dựa vào đó chúng ta phải được tự do làm nhà in, điều này làm cho chúng ta thấy rõ tất cả sự vô lý của một chế độ xúc phạm đã được áp đặt cho báo chí được xuất bản định kỳ.

Những điều người ta in ra trong những tờ báo chỉ được đọc trong một hoặc hai ngày, rồi cũng qua đi rồi rơi vào quên lãng. Trong khi đó, những điều được in ra trong những quyển sách vẫn cứ còn lại mãi. Chính quyền chỉ biết được nội dung của quyển sách sau nhiều ngày khi quyển sách đã được nộp lưu chiểu, đến lúc đó việc tịch thu chỉ làm thức tỉnh sự tò mò của các đọc giả.

Những quyển sách còn lại nhất định sẽ được dấu kỹ và vì vậy sẽ được nhiều người đọc hơn.

Nếu những bọn vua chúa phản động Á Châu đã huỷ hoại những sách vở để ngăn cản nhân dân học hành, họ cũng không bao giờ huỷ hoại một quyển sách hoặc nhiều quyển sách được chỉ định đặc biệt. Ngay cả những ông vua của chúng ta bản thân họ cũng đã phải dung túng những tập thơ và bài hát trong đó những người nổi loạn lừng danh, ví dụ như những chùm kẻ cướp, đã được ca ngợi như những anh hùng nổi danh. Chúng

có là bài hát "Cái Tổng Vàng" mà những người hát sẩm mù vẫn nghe ngao hát ở trong các phố và nhiều khi gây được hào hứng trong đông đảo quần chúng. Như vậy mà nhà chức trách An Nam không ai nghĩ đến ngăn cản những người hát sẩm mù hát bài "Cái tổng vàng" cũng không nghĩ đến giải tán quần chúng vây quanh những người hát sẩm.

Người ta thấy rõ trong những ví dụ này, những chính phủ của chúng ta đã tôn trọng tự do đối với những tư tưởng dân gian đến mức độ nào, nó đã có thể chế nhiều những ông Vua và bêu xấu trong những bài hát những ông quan đứng đầu xấu xa. Những người tốt, đáng lẽ phải đoàn kết với những người làm quan trước họ đã bị bêu xấu như vậy, đã rút ra được những bài học bổ ích, và cũng hát lại một cách hào hứng những đoạn đã thuộc.

Trong lúc đó người ta lại không thấy có điều gì cần phải loại bỏ đi trong việc sáng tác ra văn học dân gian, đã áp dụng coi như một luật lệ không được đàn áp những tác giả, nhưng phải gọi họ lên dinh quan lớn để đem ra thử thách tài năng của họ và khen thưởng họ nếu họ giải đáp được tốt. Đây là một cách rất trí thức để sửa chữa khi mà họ không đúng. Nếu sự thiếu công bằng này lại cộng thêm sự ngu dốt và làm bậy, thì người ta chỉ làm cho quần chúng không bị nhầm lẫn những thi sĩ tồi bằng cách bôi nhọ lên mặt họ hoặc là bắt họ đứng trong một tư thế thô lỗ. Những cách trừng phạt đúng đắn bao giờ cũng được hoan nghênh nhiệt liệt.

Chúng ta nhận thấy là văn học dân gian bằng lời nói bao giờ cũng tránh được tất cả mọi sự kiểm tra và tất cả mọi sự đàn áp. Vì vậy nó không thể nào loại bỏ đi được, ngoài một việc thiếu tôn trọng đối với những người Tây, thiếu tôn trọng chẳng

có hại gì cả, không còn có gì có thể làm chia rẽ giữa người Pháp và người An Nam mà không thể sửa chữa lại được. Trong khi đó trong văn chương viết người ta thấy bị xúc phạm, có những điều ghê tởm. Điều đó có phải là đã chứng tỏ nhân dân có cảm tình một cách tự nhiên với những người Pháp, đã mang lại sự đầy đủ và an ninh hơn cho họ, chỉ còn có tư tưởng bịt miệng họ làm cho nhân dân không bằng lòng.

Khi mà nhân dân đã tham gia vào nguyên rủa thì không một sự cấm đoán nào, không một sự đàn áp nào làm được cho họ sợ.

Vậy thì tự do cho tất cả những hoạt động tư tưởng bất cứ nó là như thế nào, và nhân dân chỉ ưa thích những điều có lẽ phải, sẽ phân biệt được tất cả những bài viết không có thiện chí của những người bất mãn.

Nguyễn Văn Vinh
Báo L'Annam Nouveau
 Số 29 ngày 10/5/1931

BÁO CHÍ BẢN XỨ TỰ DO

I. Một việc khó coi là việc nước Pháp, một nước vô địch về tự do, lại bịt miệng báo chí mà chính họ đã nhập vào ở trên đất nước ta.

Dân tộc An Nam từ trước không biết báo chí, nhưng tự do ngôn luận ở đây đã được trân trọng. Chúng ta chưa bao giờ biết trong suốt tất cả lịch sử lâu dài của chúng ta, việc xâm phạm vào tự do của dư luận. Luật lệ An Nam cũng vậy, không có tục lệ nào quy định phạt những vi phạm kiểu này.

Lưu Bị người sáng lập ra triều đình nhà Hán Trung Quốc đã từ trên 20 thế kỷ, đã thắng được nhà Tần vì rằng: triều đình nhà Tần tự mình trở thành xấu xa bằng cách cấm đoán những sự bàn tán nói chuyện trên các công viên. Đây là một sự việc duy nhất người ta có thể khám phá ra được. Trong những thiên niên sử cổ, về những trừng phạt của chính phủ, cấm đoán phát biểu ý kiến ở nơi công cộng. Và từ một thời đại rất xa xăm, dân tộc Trung Hoa đã biết khinh miệt những người đàn áp dư luận tự do. Thừa kế nền văn hoá Trung Hoa cổ người An Nam bao giờ cũng đã biết tự do một cách tuyệt đối nhất, được nói lên những điều mình nghĩ, về những quan lại cũng như về các ông vua. Và nếu cách sống của họ không làm cho họ tạo ra những tờ báo. thì họ làm các bài hát và những bài về chế độ và để phỉ nhổ những quan lớn không làm họ vừa ý.

"Trăm năm bia đá thì mòn

Nghìn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ".

Chính bằng những câu hát như vậy, mà ông cha chúng ta đã phê bình công khai và nghiêm chỉnh sự bất lực, sự độc ác hay những tội lỗi thông thường của những người đứng đầu của mình.

Bia đá, là cái mà ngày nay người ta gọi là một báo chí tốt, tự do hay là có ảnh hưởng, tờ báo ca ngợi những việc làm tốt của những người làm việc công. Và bia miệng là sự không tán thưởng của quần chúng, không được khắc lên bia đá, nhưng không có một thế lực nào có thể huỷ đi được.

Khi mà vào năm 1907 các ông FH. Schneider và Babut đã sáng lập ra hai tờ báo đầu tiên bằng chữ Quốc ngữ ở Bắc kỳ, theo đề nghị của Chính phủ. Người An Nam đã không biết là những tờ báo đó đã bị kiểm duyệt nhằm tưởng là đã tìm thấy cho mình một hình thức bia đá mới để ca ngợi hay nguyền rủa một cách tự do những người làm việc công. Họ đã nhanh chóng thấy được sai lầm của mình và bỏ rơi hai tờ báo đó, những tờ báo này những văn phòng của phủ thống xứ đã kiểm tra một cách nghiêm ngặt còn hơn cả kiểm duyệt chúng ta phải chịu ngày nay.

Đất nước đành chịu không có báo chí cho tới năm 1913 và đã qua đi một cách đặc biệt là tốt. Chỉ còn có đọc những tờ truyền đơn in thạch một cách bí mật mà những đảng viên của các Đảng cách mạng phân phối kín dấu dưới áo choàng. Hay là chỉ còn đọc các tờ báo Tàu, tuy rằng không viết riêng những vấn đề An Nam, cũng đã tạo ra một dư luận Á Châu đối với cường quốc đế quốc Âu Châu.

Năm 1913 FH Schneider, kinh doanh ở Nam Kỳ và đi qua Hà Nội, đã nảy sinh ra ý kiến tổ chức một tờ báo An Nam mới. do có những sự kiện chính trị đã làm nảy sinh sự cần thiết phải

có một cơ quan ngôn luận truyền bá lành mạnh.

Từ đó những tờ báo An Nam thi nhau ra đời, và đã trở thành một công nghiệp làm báo cũng giống như đã xảy ra với tất cả những nghề nghiệp khác ở trên đất nước nghèo khổ này. Ở đây nghề nghiệp rất hiếm hoi, ngoài việc đi làm nhân viên chính phủ. Người ta đã mơ tưởng nhiều và những vốn liếng khác quan trọng đã bị lãng phí trong việc cạnh tranh ghê gớm này, chỉ có vào khoảng một nghìn độc giả có nhu cầu về báo chí.

Tất cả những người thi trượt của các trường lớn và nhỏ đều vội vã nhảy vào cái cách kiếm ăn mới này, ở đó không đòi hỏi phải có bằng cấp nào, và cũng không cần có những hiểu biết đặc biệt nào. Chỉ cần có biết viết bất cứ cái gì bằng cái ngôn ngữ mới này, không có cả văn phạm, không có cả mẹo mực do một viện hàn lâm nào quy định. Ngày hôm trước đến ngày hôm sau người ta đã trở thành nhà báo, tổng biên tập và cả làm chủ nhiệm một tờ báo hàng ngày, in ra vào khoảng từ hai đến năm nghìn tờ. Trong số đó có những người có tài, ngay cả những người có giá trị, nhưng sự ưa chuộng của quần chúng không đến với họ. Chỉ có những bài báo giật gân những tin vặt ở ngoài phố, tinh thần ở các chợ, những truyện đả kích, là chắc chắn được hoan nghênh nhất.

Báo chí thông tin thuần túy, những bài về đường lối, những bài nghiên cứu làm tài liệu khoa học và phổ biến khoa học chỉ có một số độc giả tối thiểu không đáng kể.

Có nên gán khuyết điểm này của báo chí bản xứ cho chế độ kiểm duyệt và cấp giấy phép không ? Hay là người ta có phải nghĩ đến sự bất lực được thể hiện ra trong nhân viên toà soạn của những tờ báo chứng thật cái tính chất riêng biệt đó ?

Dư luận thứ nhất có thể là đúng đắn.

Nhất định là đúng sự thật, báo chí là một công cụ mà những người An Nam chưa biết cách sử dụng và chính là chính phủ Pháp là người hướng dẫn chúng ta đi vào cái nghề nghiệp này. Nhưng người ta còn phải nhận thấy là chính phủ Pháp làm việc này rất tồi và nó đã có lẽ là vô tình, phá hoại cái phương tiện truyền bá này, nó có thể là một hữu ích tuyệt diệu.

Nhân dân An Nam chưa biết cách sử dụng những tờ báo. Chính phủ đáng lẽ phải sử dụng nó trước tiên cho bản thân mình, và làm điều đó một cách thẳng thắn, công khai, chứ không phải chỉ dùng nó một cách đơn giản như một tập hồ sơ những văn bản chính thức của nhà nước, như là tờ báo đầu tiên Đại Nam Đồng Văn nhật báo. Đáng lẽ họ phải tạo ra ngay từ ngày thành lập ra nó ở đây, một công cụ để tuyên truyền dưới hình thức thích hợp để tạo ra được trong quần chúng hình thành một dư luận do chính phủ độc quyền chỉ đạo, được chính phủ huấn luyện trong một thời gian, ít nhất cho đến khi một dư luận được hình thành và tự tỏ ra theo một cách nào đó, dù là còn phân tán.

Ngay từ lúc một dư luận quần chúng được hình thành, nó có quyền được nói lên và những luật lệ của Pháp về báo chí, theo tôi đã là đầy đủ để đàn áp tất cả những lạm dụng, tất cả những cố động nổi loạn mà không tuân theo những người cầm quyền.

Báo chí là nguồn gốc của Pháp, luật lệ nước Pháp là phải hoàn toàn thích hợp, không còn cần phải đề ra thêm những biện pháp hạn chế đặc biệt nào ở trên đất này. Đặt ra giả thiết phải bảo đảm ưu đãi dành cho một số người cầm quyền, thì người ta dự trừ những hình phạt trong luật lệ hình sự chống lại

tất cả những xúc phạm của báo chí hay của tất cả phương tiện nào khác, đến những người được ưu đãi đó như thế đã đủ chưa để bảo đảm sự tôn trọng đó ?

So với những biện pháp hạn chế đã tạo ra tăng thêm một số công việc vô ích cho chính quyền nhà nước và ở đó tính chất đàn áp đè nặng lên những đầu óc tự do mà ở đâu cũng có, tôi ưa thích những biện pháp cải tiến có thể nó phù hợp hơn cho cả báo chí bản xứ lẫn báo chí tiếng Pháp.

Người ta đòi hỏi tất cả những người muốn trở thành nhà báo phải có một tối thiểu những điều kiện đạo đức, tri thức, tài chính, một cách như thế nào để che chở cho quần chúng chống lại những bọn xấu, bọn ngu dốt và những bọn vu cáo.

Ngoài những điều đó ra, chính là đạo luật 1881 phải được đem ra áp dụng một cách đầy đủ. Để bắt đầu người ta có thể mở rộng cho báo chí bằng tiếng bản xứ được hưởng chế độ dành cho báo chí tiếng Pháp được qui định bởi nghị định ngày 4/10/1927.

Nguyễn Văn Vĩnh

L'Annam Nouveau ngày 3/5/1931

II. Tôi chưa phát triển được đầy đủ những ý kiến của tôi trong bài báo trước đây. Điều còn lại là phải làm sáng tỏ tại sao chế độ cấp giấy phép trước và chế độ kiểm duyệt phòng ngừa cho những tờ báo lại là nguyên nhân gây ra sự sa sút đó của báo chí bản xứ.

Chế độ phải xin phép giấy phép trước đã dẫn tới kết quả làm cho một vài người bản xứ đặc biệt được ưu đãi cấp giấy phép ra những tờ báo. Nhưng có thể trong thực tế những người

được ưu đãi này là người không có giá trị thương mại. Họ nắm được giấy phép và có ảo tưởng về những khả năng khai thác và làm tất cả để giữ giấy phép đó. Họ rất sợ đến một lúc nào đó thấy mình bị tước mất giấy phép. Như vậy, không được chính phủ trả tiền công và cũng không được trợ cấp. Tất cả những tờ báo An Nam cố gắng giữ được ở trong điểm được phép. Những biên tập viên không được giám sát cẩn thận, một vài khi có thể phạm phải một vài cách chơi chữ, những cách nói canh khéo léo, những lập luận có hai nghĩa nhưng công khai họ không bao giờ dám viết một điều gì để có thể không vừa lòng chính phủ. Những trừng phạt thấp nhất đã là rút bỏ hay cắt bớt, làm cho những bài đã xếp chữ trở thành phải bỏ đi, dẫn tới phải làm thêm việc để lấp những chỗ trống thay thế những bài đã bị kiểm duyệt, vì rằng người ta cấm những tờ báo thú thật là mình bị kiểm duyệt, bằng cách để lại những cột bị bỏ trắng.

Trong những điều kiện đó, người ta quan niệm là những người viết báo tự trọng không bằng lòng làm việc dưới con mắt của những người kiểm duyệt, bất cứ cách nào vì rằng để có thể chắc chắn không phải bận rộn vô ích, thì họ bắt buộc phải lưu ý từng dòng từng chữ, phải tự hỏi xem liệu có qua được kiểm duyệt không.

Chỉ có thuần túy phổ biến là có thể được. Ngay cả tin tức và phóng sự những sự kiện lớn của đất nước, cũng phải viết với sự thường xuyên lo âu để không bị cắt bỏ những đoạn tường thuật, hay còn xấu hơn nữa là bị bắt buộc sửa chữa lại trái ngược với thực tế.

Nhưng với báo chí tự do, phản đối một người nào, liệu anh có sợ là tất cả những điều đó là không đúng và tất cả những ý kiến đó làm mất danh dự người ta, tất cả những điều đó làm

mất danh dự người ta, tất cả những điều nói xấu người ta, đã không được phơi bày ra một cách tự do và không tỏ ra những chuyện giạt gân hàng ngày trong thế giới người An Nam họ chỉ ưa thích nghỉ ngơi và yên tĩnh? Các anh có e ngại thấy những người đến truyền bá giữa ban ngày những lý luận độc hại nhất? Chủ nghĩa cộng sản có đến để lợi dụng tự do quảng cáo những điều nguy hiểm?

Theo ý kiến tôi, tất cả những điều đó không có gì đáng sợ cả. Ngày mà tất cả mọi người đã biết viết những điều họ muốn, những sự bậy bạ sẽ được nhận xét một cách đích đáng, ngay số lượng của nó sẽ chìm chết nó xuống đáy thùng, chỉ còn nổi lên những điều thật sự đáng được đọc. Còn như ngày nay cùng với những khó khăn ngay cả những điều không đúng đắn đã có thể đem in ra, những người tò mò khát tin giạt gân cũng vờ lấy đọc ngẫu nhiên. Theo tôi nhân dân An Nam khôn ngoan hơn người ta nghĩ nhiều và không tin vào một cái mồi quá dễ dàng theo những lý luận quá khích. Người ta không thể khuấy nó lên một cách dễ dàng để theo những tư tưởng xấu cũng như theo những tư tưởng tốt. Đây là một dân tộc chỉ đòi hỏi có đủ ăn, có đủ việc làm trong hoà bình. Nếu CNCS đã có chỗ đứng ở Trung bộ là vì quần chúng nhân dân nghèo khổ quá và vì căm thù bọn quan lại ăn hối lộ... Nhân dân ở đây đã đi cùng với người của Mátxcova, cũng như họ đã có thể đi với người của Cường Để hay của Hàm Nghi, chỉ đơn giản là một lý do để lo nổi dậy và để đi cướp bóc. Trong bất cứ thời nào những người nhiều tham vọng và những người phiêu lưu đều lợi dụng sự nghèo khổ kinh niên ngự trị ở các tỉnh ít được ưu đãi. Ở Bắc Kỳ tất cả những truyền đơn cộng sản, cũng như tất cả những bài về cách mạng bao giờ cũng chỉ để làm những trò chơi cho những

người mất thì giờ đi nhật nó. Đã 20 năm, sự cấm đoán còn làm quảng cáo cho những bài viết kích động bị cấm đoán. Ngày nay người ta không cả để ý đến nữa và tôi ngày nào cũng nhìn thấy những quyển sách bị cấm bởi những nghị định rất nghiêm ngặt của phủ Toàn quyền được truyền tay nhau đọc, không phải là vì tinh thần nổi loạn, mà là vì những người giữ sách này không biết tính chất nội dung quyển sách và những hình phạt cấm lưu hành được áp đặt cho nó.

Đã đến lúc để trở lại có một quan niệm lành mạnh hơn về vấn đề này. Tất cả các báo chí được ưu đãi này, chỉ vì nó được cấp giấy phép, không bằng cái công việc mà Chính phủ bày đặt ra để kiểm tra nó. Vì việc chính phủ kiểm tra nó, chính phủ đã làm cho nó có một tầm quan trọng mà nó không có. Trong lúc đó nhân dân cảm thấy người ta đã tước đi của họ một sự tự do quý báu. Ngược lại tất cả những tính chất vô vị được viết ra trên những tờ báo An Nam được coi như đã được thông qua và đã mang dấu ấn của chính phủ, đã tự tuyên bố chịu trách nhiệm như vậy về những việc mà nó không bảo phải nói ra. Nếu một mặt khác nếu chính phủ muốn thực hiện một việc kiểm tra, thực tế và có hiệu quả về tất cả những bài đã viết, thì công việc sẽ nhiều quá một bộ máy nhân viên mười lần lớn hơn bộ máy hiện nay đã được dùng cho việc kiểm duyệt.

Hãy để cho mọi người viết, điều mà họ muốn viết, không việc gì phải hỏi họ viết gì, chính đây là một cách để kìm hãm lại cái phong trào của các nhà báo ngổ ngáo, lại là một cách đúng đắn và hiệu quả hơn.

Nguyễn Văn Vĩnh

L'Annam Nouveau số 28 ngày 7/5/1931

VĂN CHƯƠNG YÊU NƯỚC

Đối với chúng ta bây giờ, đã đến lúc phải từ bỏ cái cách yêu nước bằng cách hô hào ở khắp mọi nơi là : chúng ta là những con rồng cháu tiên, là Hai Bà Trưng của chúng ta và Trần Hưng Đạo của chúng ta đã đánh đuổi quân Tàu ra khỏi đất nước; là những di tích của núi Nùng (gò đất nhỏ ở giữa vườn bách thú và sân quần ngựa và không còn một người An Nam nào để ý đến nữa) và sông Nhĩ Hà (hình cái tai là đoạn sông Hồng quanh co giữa Sơn Tây và Hà Nội phải sinh sản ra những con người phi thường. Là người An Nam phải nhanh chóng nhảy lên võ đài mà các dân tộc lớn khác đang nhảy múa, và những gì gì nữa !...

Tất cả những văn chương yêu nước đó đầy những từ ngữ rất kêu, nào là sông núi, nào là nhiệt huyết và xúc động cao cả, nào là khóc than về quá khứ về vang đã mất, nào là đất tổ và hồn nước, nào là hy sinh xương thịt và nào là hèn nhát trong cảnh cá chậu chim lồng; những lời kêu gọi trời cao đất dày tất cả những thứ văn chương đó chúng tôi cho là bệnh hoạn và toả ra một lòng yêu nước khóc than và khô cằn. Nó mang một tâm hồn thất vọng không bao giờ dẫn tới những hành động có suy nghĩ và sáng tạo.

Người ta phải có tất cả những tư tưởng đó từ hai thế kỷ trước đây, chúng ta còn có thể tự mình tô điểm cho đẹp thêm những sông núi đó, phục hồi lại cái dòng máu rồng tiên đó để làm mất đi những đức tính can đảm của tổ tiên.

Chuẩn bị những đức tính để đối mặt với tình hình mới mà chúng ta phải thấy trước và phải biết rõ.

Ngày nay những bàn tay khác đã đến để tô điểm làm đẹp thêm những phong cảnh quê hương; những thế lực khác may thay đã đến kịp thời để quất cho dòng máu đỏ đã bị đông cứng lại; những văn minh khác đã đến để cho chúng ta những bài học về sự dũng cảm thật sự, những địa vị mới tự tạo ra đòi hỏi những khả năng mà tổ tiên đã để lại, không còn phải là lúc khóc than hay có những lúc hành động vô tổ chức của người chết đuối, nó chìm xuống chứ không làm cho yên ổn, và chỉ có sự bình tĩnh sáng suốt là có thể giữ được nổi trên mặt nước và cho phép tìm ra được những phương tiện thật sự để thoát chết.

Tôi đã nói trong bài báo trước đây của tôi là đứng trước nền văn minh Âu Châu đang lan tràn, Á Châu phải lựa chọn giữa hai thái độ : tiến bước theo Âu Châu hay quay lưng lại nó. Còn đấu tranh chỉ với những phương tiện đã có sẵn của chúng ta thì quá chậm rồi và không thể nào những phương tiện đó sẽ tăng lên gấp mười lần và dù cho rằng nhân dân An Nam nhìn chung đã có đức tính kiên nhẫn đó. Ví dụ như nó là khác biệt hẳn với người Trung Hoa vì rằng chúng ta là một nòi giống rất mềm dẻo để có một cá tính. Chúng ta đã tự thích nghi với tất cả và một cách mặc nhiên, thích nghi tốt trong đối mặt với xâm lược Trung Hoa, trong hàng mấy thế kỷ đã qua cũng như đối mặt với tình hình mới do sự có mặt của người Âu Châu đã tạo ra. Chính trong sự mềm dẻo đó mà chúng ta chứng tỏ ra có một đức tính kiên nhẫn đặc biệt riêng của chúng ta, đã làm cho chúng ta có thể luôn luôn giữ được bản tính của mình đồng thời chấp nhận tất cả những cái mới được đem đến. Chính đây là một đức tính thật sự mà chúng ta phải giữ vững để phát triển.

bởi vì người ta bao giờ cũng phải sử dụng những thứ người ta có. Chúng ta giữ vững cách hình thành của dân tộc chúng ta. Chúng ta đã cần phải có sự mềm dẻo đó để tiếp nhận được, không có phản ứng mạnh, những tiếp xúc mà chúng ta phải đối mặt và chịu đựng tất cả những ảnh hưởng và tất cả những biến đổi mà vẫn không bị khuất phục. Chính đây là sức mạnh mà chúng ta phải biết cách sử dụng, chắc không phải bản thân chúng ta tạo ra những phản ứng mà chúng ta không thể nào chịu đựng được.

Như chúng ta đã biết rút ra những điều có lợi trong khi tiếp xúc với người Tàu, nó đã tạo ra nhân cách quá khứ của chúng ta. Chúng ta phải biết lợi dụng sử tiếp xúc với Pháp nó sẽ tạo ra nhân cách của chúng ta trong tương lai.

Chỉ còn có một vấn đề là sự cọ sát nó là một vấn đề giao dịch, cá nhân phải vun đắp, quần chúng vẫn giữ được mềm dẻo và không ủng hộ những phản ứng riêng biệt, những phản ứng này lại là tính chất chính của người Âu Châu. Thật là hoàn toàn vô ích nếu muốn tìm cách phổ biến một số những quan niệm về tự hào tập thể, nó rất khó nhập vào những đầu óc thực tế, nó chỉ biết có những phản ứng thân thể.

Chúng ta là một dân tộc lành như cừu, sẵn sàng theo người chăn dắt biết cách chăm cho ăn và bảo vệ nó và chỉ có thể thôi. Tất cả những xúi dục, giả tạo đều không bền vững.

Đứng trước những thực tế như vậy lòng yêu nước chân chính của người An Nam không phải là tìm cách thúc đẩy quần chúng làm những việc xúi dục mà họ không quen làm, mà là chấp nhận nó như vậy với những nhu cầu của nó và trong môi trường tự nhiên ở đó nó tự phát triển và giúp đỡ họ tự thích hợp với người dẫn đường đã đến với họ, và hợp tác với người dẫn

đường bằng cách giúp sức với họ một cách thành thật về tri thức đặc biệt mà chúng ta có từ những bản năng của chính mình, một mặt khác, làm thế nào đặt những kiến thức của chúng ta để có thể rút ra những phần tốt nhất của một tình trạng mà chúng ta không muốn, không có thể tránh được, không dẫn tới được. Những việc đó chúng ta không chủ động để chấm dứt được.

Điều còn lại, chúng ta hãy đặt tất cả hy vọng của chúng ta vào một tương lai có thể là rất đẹp đẽ. Mặc dù thế nào, một vài trường hợp cá thể trong đó những tham vọng ti tiện, có thể như muốn cải chính xu hướng tập thể của cả dân tộc lớn đó, những sự việc là ở đây để chứng minh cho chúng ta, là chính những con người tự cảm thấy họ là những người như chúng ta với tất cả những sự yếu hèn, cũng như tất cả những cao cả của trái tim nhân đạo.

Nguyễn Văn Vinh

L'Annam Nouveau số 117 ngày 13/3/1933

NHỮNG VIÊN CHỨC NHÀ BÁO

Những người viên chức được tự do viết báo, như tất cả mọi người đều được tự do nói lên những điều họ muốn, với điều kiện bảo đảm chịu trách nhiệm về những điều mình viết và mình nói, trách nhiệm đã được luật lệ quy định.

Tất cả những điều được viết ra và được nói lên, đều có thể được in ra trên sách báo, hay bất cứ ở đâu dưới sự chịu trách nhiệm của người đã ký tên, và với sự liên đới chịu trách nhiệm của người quản lý khi nào là một bản in ra định kỳ của tác giả hay của người xuất bản khi là một quyển sách hay một bản in không định kỳ. Còn về những điều kiện đã được thoả thuận giữa tác giả hay là người ký tên của một bản viết và người xuất bản, người quản lý, người chủ nhiệm hay người trưởng ban quản trị của bản in, nó chỉ thuộc về những bên hợp đồng với nhau.

Còn một vấn đề khác, là việc đối với công chức in ra sách báo, tự mình quản lý một tờ báo in ra định kỳ, hay ở đó giữ một công việc phải làm hàng ngày, bình thường việc này do một nhân viên được trả lương bảo đảm, được gọi theo chức danh là chủ nhiệm chính trị, quản lý, tổng biên tập, trưởng ban quản trị, thư ký toà soạn, phóng viên, trưởng đề mục và...

Khi là một sách báo văn chương, khoa học, thể thao, thì những nhà chức trách cũng như quần chúng sẵn sàng nhắm mắt bỏ qua, khi mà sách báo đó thật sự là hữu ích, tỏ ra có giá

trị và không gây ra một rắc rối nào. Nhưng ngay khi có sự tranh luận đứng về phía một người nào, văn bản thương mại tranh chấp hay xác nhận có thể đem ra phân giải trước toà án, thì sự không thể dung hoà với nhau được giữa tính chất của một nhà báo, của một người xuất bản với tính chất của một viên chức, thể hiện ra quá rõ ràng và sự cấm đoán trở thành một vấn đề, ban đầu chỉ là kỷ luật. sau trở thành một vấn đề về lòng trung thành. Như vậy thì làm sao chấp nhận được một viên chức, lại có thể trong bài viết của mình cho công chúng, lại gây một sự tranh cãi với một trong những cấp trên của mình, ngang hàng hay dưới quyền mình, ngay cả trong phạm trù hoàn toàn về văn chương, về khoa học hay về thể thao, sự tấn công đòi hỏi phải trả lời và một cuộc tranh luận có thể xảy ra giữa những viên chức phải mang một tính chất phạm luật pháp không xác định được theo tinh thần hoà giải và kỷ luật được quy định cho những nhân viên của chính quyền. Có một cách là viết không ký tên được bộ phận quản lý che chở, nhưng như vậy sự không thẳng thắn thể hiện ra rõ ràng hơn, nhất là khi ông quản lý chỉ là một người rơm, chỉ có thể dựa vào một sự trách nhiệm có hạn quy định bởi luật pháp. Trong lúc đó trách nhiệm của người viết báo phải là vô hạn. Do đó mà họ phải thanh toán theo luật lệ những sai lầm, phạm vào những con người, và họ phải thanh toán với dư luận quần chúng, những sai lầm phạm vào sự thật. Người viết báo dấu tên dưới một bút danh hay không để tên chỉ có thể bao che cho sự khiêm nhường hay là sự vô nghĩa lý. Trừ ra đối với những bút danh tượng trưng mà đã được tuyên bố cho mọi người biết. Tất cả từ ngữ về tư tưởng

hay tình cảm có liên quan đều phải được ký tên bằng một tên, để qua tên đó người ta tìm ra một người có thể giải đáp được những điều mà họ viết.

Trên lĩnh vực chính trị, vị trí của người viên chức nhà báo trở nên rất tế nhị, khi mà họ không tham gia vào chính trị của chính phủ sử dụng họ. Vì để làm việc này, chính phủ có những phương tiện để tuyên truyền của mình và nhân viên đặc biệt được tuyển vào làm việc tuyên truyền này. Nó có đầy đủ tất cả để có thể thực hiện đường lối chính trị đó, và trong một chính quyền lập hiến, để xác nhận những hành động của mình trước quốc hội trong đó đa số đứng về phía họ, không như thế họ không thể nào cai trị được. Hơn nữa theo thủ tục ở trong các nước lập hiến họ có muốn những người viết báo trở thành những thành phần của chính phủ, không được xuất bản tờ báo của mình nữa, không viết báo và không tham gia một chức vụ cụ thể nào nữa.

Biết nói thế nào, kể từ đó người viên chức chỉ là một nhân viên thừa hành ? Người viên chức không tán thành đường lối của chính phủ mà anh ta là người đầy tớ, hay là anh ta có những tư tưởng chính trị khác với đường lối của chính phủ, anh ta có những thái độ khác nhau tùy theo những việc làm được giao cho mình. Về đề tài này những lý luận mới có thể được chấp nhận, nó sẽ được đưa ra để tranh luận.

Sự việc phục vụ một chính phủ không đòi hỏi phải gia nhập hoàn toàn và vĩnh viễn đường lối chính trị của chính phủ đó, nó thay đổi mỗi một khi có sự thay đổi nội các đối với các nước có chế độ nghị viện. Vì rằng, những ý kiến của mỗi một

nghe viện đều có thể dẫn tới tiền bộ xã hội và chính trị của đất nước và của những người viên chức có thể cũng có như những người khác, và có thể lại còn có hơn một ít so với những người khác. Do đó trước tiên họ được tuyển mộ trong số những người có học nhất và những người thông minh nhất. Như vậy tôi không thấy phải nghĩ ngợi gì về kỷ luật để có thể không cho phép một nước cần sự giúp đỡ của những người tinh anh nhất vào việc tìm kiếm sự thật một cách thường xuyên. Từ đó người ta có thể chấp nhận người viên chức viết sách báo hay là có thể chấp nhận viên chức nhà báo, ít nhất quyền hành của người viên chức là có thể thử thách may rủi trong văn chương và chính trị. Nhưng các quyền được thử thách này đòi hỏi sự thành công ngay lập tức, do đó sự từ bỏ những chức trách đang làm, hay là từ bỏ những thử thách giáo dục, bởi vì nhà nước không thể nào nuôi dưỡng mãi mãi một người để người ta dành hết công sức tài năng của mình để thực hiện một công việc vô vọng của cá nhân.

Tuỳ thuộc vào dịch vụ, nó có thể đòi hỏi anh ta không phải chỉ có làm việc đúng giờ, thực hiện theo lương tâm của mình, mà còn phải luôn luôn mong muốn, làm mỗi ngày một tốt hơn. Vì vậy, phải có sự trung thành và lòng tin vào sự hữu ích của chức vụ của mình.

Nhưng chúng ta hãy trở lại vấn đề thường hay xảy ra ở trên đất nước này. Có những công chức đã dành những thời gian tốt nhất phải làm việc công để làm về văn chương, về chính trị, về làm báo chuyên nghiệp, không những chỉ chịu trách nhiệm viết những bài nghiên cứu nhiều khi rất hay, làm việc này anh

ta được sử dụng những tài liệu sẵn có, hoặc là trực tiếp trong sở anh ta làm việc, hoặc là ở các sở khác mà anh ta có quan hệ do chức vụ làm việc của anh ta, mà còn làm những công việc vật chất sửa chữa bài, xem xét lại bài, kiểm tra về việc lên trang một tờ báo in, những công việc thường là phải có một thư ký toà soạn được trả lương, cướp đi như vậy miếng cơm của người khác, và đem lại cho những tờ báo được sự hợp tác của anh ta những quyền lợi vật chất hơn hẳn những sách báo cạnh tranh với mình.

Ở đây có một vấn đề là không có biện pháp nào có thể giải quyết được, bằng bất cứ một quy định nào, mà chỉ có bằng lương tâm và nhiệm vụ, bằng một quan niệm đúng đắn về công bằng xã hội.

Chỉ có tài năng và giá trị của lao động là tha thứ được, nếu nó không chứng nhận những cách lạm dụng, những sơ hở của nhà nước, về cách biến đổi, về chính quyền hành của nó, một trách nhiệm công biến thành một quyền lợi riêng hữu ích.

Nó thuộc về những người đứng đầu phải quản lý làm thế nào cho những công chức phải trước tiên hoàn thành nhiệm vụ của mình và không được dung thứ những việc ăn cắp thật sự thời gian, vi phạm vào quyền lợi của chính phủ và những người sử dụng thời gian, chỉ trong phạm vi mà ở đó nó là có ích cho khoa học, cho kỹ thuật, hay cho sự thật không làm hại đến công việc mà do đó người ta được trả công.

Người ta có thể đề nghị chuyển những viên chức này sang làm các công việc đặc biệt nghiên cứu và khảo sát cho phù hợp với tài năng và xu hướng của họ, nếu các công việc đó

hiều khi không phải chỉ là nơi trú ngụ cho những kẻ lười biếng và cho những người đã nhất định coi như đồng lương và công việc của mình như một đóng góp cho nhà nước, nó là việc trả tiền cho giá trị của họ, chỉ có thể làm các công việc cá nhân và được miễn trừ tất cả các công việc đã được chỉ đạo.

Sẽ là một vấn đề rất hay nếu đem đối chiếu những nhận xét về người viên chức viết sách báo hiện nay với những quan niệm Trung Hoa - An Nam về việc sử dụng những tài liệu văn chương. Nhưng chúng ta sẽ xem lại vấn đề này ở một dịp sau để không kéo dài quá đáng bài báo này.

Nguyễn Văn Vĩnh

L'Annam Nouveau số 313 ngày 4/2/1934



8-5-1936 - ĐÁM TANG ÔNG NGUYỄN VĂN VĨNH

CHỐNG PHÁP

Tính từ phạm tội nghiêm trọng này đã được gán cho chúng tôi trong một tài liệu chính thức do một nhà chức trách thuộc địa đã phản ánh, mà chúng tôi chưa muốn nói ra, điều chúng tôi muốn biết trước không phải là nhà chức trách đã ký thông chi này. Chúng tôi đã biết rồi nhưng là muốn biết người đã thảo ra nó, vì rằng cách đánh giá này tỏ ra về phía họ, ngoài một tinh thần cai trị rất là đặc biệt phải được loại bỏ đi còn có một sự không hiểu biết hoàn toàn về tình hình chính trị hiện nay.

Báo "L'Annam Nouveau" tuyên bố thông chi này là hành động của một tư tưởng chống Pháp mới nảy sinh.

"Tôi sẽ không phải là quá để nhắc nhở anh phải theo dõi sát luận điệu tuyên truyền này, tìm mọi cách để ngăn cản nó lại, bắt tất cả những phương tiện hợp pháp và phải báo ngay cho tôi biết v.v..".

Tôi tự hỏi người nào đã có thể vào trước ngày 10/8/1933, ngày tháng của bản thông chi mật này, tìm ra trong tờ báo của chúng tôi những bài xúc phạm như vậy, để có thể đánh động về phía những nhà chức trách cao cấp của thuộc địa để có thể đánh giá thái độ của chúng tôi như vậy.

Thú thật là "tính tử" rất thuận lợi và rất tinh ranh, nó có thể sẽ dẫn tới gán cho chúng tôi một định nghĩa của danh từ "Bài pháp". Nếu tới đây người công chức đầu tiên nghe thấy là không chấp nhận được những người An Nam được nói ngôn ngữ tự do. Mà chúng tôi nói thì kết tội này đã đủ để lôi chúng tôi ra một

toà án tử hình, hay một hình phạt hành chính đơn giản có thể dẫn tới bị ghi vào sổ đen hay bị đình bản. Thật là đáng thất vọng, vì như vậy thì không bao giờ có được một báo chí An Nam phản ánh được dư luận tự do, mà sự hiểu biết theo chúng tôi là cũng hữu ích cho những ông chủ của chúng tôi, cũng như cho những người dẫn dắt họ, trước tiên là hữu ích cho bản thân tôi.

Có phải là thái độ của chúng tôi, đối với bản án về lính lê dương ở Vinh ?

Có phải là cách mà chúng tôi đã bình luận những sự việc ở Huế ? Nếu là Vinh hay Huế, ví dụ như là cả hai, thì sẽ có một số lớn người Pháp ở đây sẽ trở thành bài Pháp cùng với chúng tôi ủng hộ vinh dự lớn nhất của nước Pháp, nước vô địch về quyền con người về tự do.

Ngay từ khi chúng tôi tự biết mình được những người Pháp chân chính ủng hộ, chúng tôi không còn coi là quan trọng, những phiếu của sở mật thám chính trị, công sở đã làm tổn cho ngân sách những tài nguyên trong sáng nhất của mình, để làm cho đất nước này chỗ nào cũng có mật thám, theo tỉ lệ 1 mật thám cho 20 người dân (có tới 5000 hoạt động ở Hà Nội, một thành phố chỉ có 100.000 dân cư). Trong lúc đó thì tất cả dân tộc này đều có thể bị rắc rối với hàng trăm tên mật thám chạy không, lũng soát khi mà những người chỉ huy mật thám đúng tầm cao với chức vụ của họ.

Chúng tôi thấy là tờ báo của chúng tôi đã làm lấp bóng các ông mật thám này, đã làm cho chính phủ biết được tất cả những điều mà họ đã quên không ghi vào báo cáo của họ. Là báo "L'Annam Nouveau" đã làm tổn tiền cho ngân sách để mua dài hạn 10 số là cùng, không được ưu đãi, nhưng là mua dài hạn

theo sự cần thiết, và hơn nữa chúng tôi chỉ bắt họ trả tiền theo giá như tất cả mọi người. Sự hơn người đối với họ là được trả tiền bằng mặng đa nhà nước, một hay hai tháng sau khi đã nhận được báo, trong lúc đó những người mua báo khác phải trả tiền trước và không đòi hỏi phải có hoá đơn hai biên.

Bây giờ chúng ta hãy xem xét một tí những hình phạt được áp dụng để chống lại chúng tôi.

1. Giám sát việc tuyên truyền của chúng tôi, nhưng nó được làm công khai giữa ban ngày và không có một nhu cầu nào phải huy động tất cả một bộ máy nhân viên chính phủ để làm việc này. Hay là chỉ thị này cố ý nói là phải cấm đoán những người đọc báo "L'Annam Nouveau" và phải canh chừng để việc phát hành không được làm với tất cả những dễ dàng của bưu điện mà chúng tôi phải trả tiền bằng dán tem cho tới ngày nay.

2. Gây khó khăn nhiều nhất có thể được ? Điều này xác nhận giả thiết của chúng tôi trước đây, có phải là người ta đã tưởng rằng có nhiệm vụ phải thêm vào, để tự che đậy : "Bằng tất cả những phương tiện hợp pháp" người ta có thể dùng được, để cản trở một người nào đó trong việc thừa hành nghề nghiệp của mình một cách hợp pháp. Ngoài những phương tiện mà một trong số những đồng nghiệp của chúng tôi là người Pháp đã phải chịu đựng những hậu quả. Đây chính là một loại văn chương đặc biệt những nhân viên thừa hành biết rất rõ cách hiểu ngầm. Chúng tôi thấy được ở đây tất cả những phương tiện hợp pháp sẽ được đem ra áp dụng, thực tế để làm cản trở việc truyền bá tờ báo của chúng ta.

Điều đó sẽ là thuận lợi hơn khi mà khách hàng của chúng tôi, cũng như khách hàng của tất cả những đồng nghiệp người

Pháp của chúng tôi, đều được tuyền trong số những người cũng là những nhân viên thừa hành đó, được giao nhiệm vụ gây khó khăn cho việc tuyền truyền của chúng tôi ở trong nội bộ của họ. Chính đây là một đe dọa cải trang gửi đến những người mua báo của chúng tôi. Các ban đồng nghiệp của chúng tôi nghĩ thế nào về việc phá đám tẩy chay chính thức này.

Nếu họ cho là, đây là lên án kết tội tất cả báo chí tự do của đất nước này, trong đó gần như tất cả những người đọc báo đều là viên chức. Nếu họ không cho là, chính thực bộ máy chỉ đạo là quỷ quái vô kỷ luật. Cả hai giả thuyết chúng tôi đều lạnh lùng, vì rằng chúng tôi không dám để cho tờ báo của chúng tôi thành một việc kinh doanh, mà là một công cụ để tuyền bá và để đấu tranh. Nếu chúng tôi chỉ có một trăm độc giả, nhưng là một trăm độc giả biết suy nghĩ và họ không sợ, ngần ấy đã đủ đối với chúng tôi và điều đó xác nhận vai trò của chúng tôi ở trên đất nước này.

3. Cảnh cáo tôi

Tôi tự hỏi còn lại điều gì để cảnh cáo ngoài số lượng những độc giả của chúng tôi, chất lượng của nó và sự đón tiếp của họ đã giành cho chúng tôi. Ngần ấy việc nhất định không cần phải làm thành một đề tài cho cuộc điều tra mật, theo kiểu cuộc điều tra đã nêu lên ở trên. Đồng thời nó tố cáo sự bất lực và vô duyên của một chính quyền chỉ biết có kiểm tra, kiểm duyệt tất cả. Nhưng ngược lại không có ai kiểm tra, kiểm duyệt họ cả. Và họ khoác cho là chống Pháp tất cả những người dám nhận xét hành động của họ và tố cáo sự lạm quyền của họ.

Nguyễn Văn Vĩnh

L'Annam Nouveau số 268 ngày 27/8/1933

BÁO CHÍ BẢN XỨ BẰNG TIẾNG PHÁP

Báo chí bản xứ bằng tiếng Pháp chủ yếu là ủng hộ Pháp, do đó mà nó chỉ có thể là một phương tiện để tập hợp những người An Nam có văn hoá Pháp. Nhất định nó cũng chỉ được viết cho dư luận Pháp. Nó đấu tranh giữa ban ngày dưới con mắt kiểm soát của chính quyền Pháp. Họ nắm tất cả những phương tiện hợp pháp để đàn áp những cố gắng nhỏ nhất không có lợi cho ảnh hưởng của Pháp.

Như vậy nó không thể nào che bóng cho những người sống hay lợi dụng sự không hiểu nhau sẵn có do có sự thiếu vắng tất cả dư luận bản xứ được trình bày công khai, hay của một nhà nước độc quyền, sợ hãi thấy mình bị phản đối bởi các dư luận bản xứ này, cái ngày mà nó biết viết trình bày ra theo ngôn ngữ được cả thế giới chấp nhận.

Một chính phủ khôn ngoan chỉ có thể nhìn thấy ở báo chí bản xứ là một nguồn thông tin mới: để có thể hướng hành động của mình vào hướng thuận lợi nhất để thực hiện mục đích chính trị, kinh tế và xã hội của mình. Nó phải khuyến khích sự ra đời của báo chí bản xứ nếu chưa có và còn có thể giúp đỡ nó không tìm cách biến nó thành đầy tớ.

Nếu chúng tôi đã lợi dụng một số trường hợp để thành lập ra tờ báo này và phổ biến nó trên tinh thần của một đảng, động viên mọi người, đúng vào lúc những nhân vật thù địch có ý định làm chiến thắng những đường lối khác. Chúng tôi bao giờ cũng cố tránh tinh thần bè phái của báo chí ở trên đất nước này. Ở đó báo chí có một vai trò thật sự hữu ích phải đóng góp. trước khi những quyền lợi của các nhóm và của những nhân

vật, có đủ thời gian để trở thành những công cụ của cá nhân - và trong những bài tranh luận của chúng tôi mới coi như những bài hấp dẫn nhất, chúng tôi bao giờ cũng biết nâng lên trên cá nhân của bản thân cá nhân chúng tôi.

Những bất ngờ trong cuộc đời đã đặt chúng tôi vào những điều kiện khá đặc biệt, để có thể tiến hành tất cả một cách không vì cá nhân, mà những bạn bè đã biết rõ chúng tôi, ngay cả đến những việc kinh doanh thương mại của chúng tôi, ở đó chúng tôi tiếp tục đấu tranh không biết mệt mỏi và vô tư một cách song song, chấp nhận với lòng trong trắng những tai họa xấu nhất. Khi nó đến không phải lỗi của chúng tôi, là thiếu khả năng và kiên nhẫn, rất chắc chắn chúng tôi chỉ là những người dựa vào chí khí của mình, mà bao giờ cũng sống trong số những người được ưu đãi ở trên đất nước này, ở đó sự dốt nát, làm bậy và cả lười biếng cũng đã đều thành công.

Nói đến điều đó để cho những người mong muốn bịt mồm chúng tôi, bằng cách tấn công vào những điểm mà ở nhiều người khác tạo thành những điểm yếu.

Thách thức nhỏ này được đưa ra chỉ một lần thôi, chúng ta hãy lợi dụng dịp này mà kẻ thù đã đưa đến cho chúng ta để chúng ta tiếp tục phát triển về đề tài lớn rộng này.

Khi mà dư luận bản xứ không trình bày ra được một cách tự do. Người Âu Châu sống ở đây như sống trên ngọn núi lửa, tạm thời không được hoạt động, họ không nghĩ ngợi gì về những thế lực lớn lao đang ngấm ngấm bên trong, chỉ cần những hợp chất hoá học, chỉ chờ đợi vào sự may rủi sẽ dẫn tới thành hỗn hợp ngòi nổ cần thiết để nổ tung. Trong sự an toàn giả tạo kéo dài, và mặc dù có vài tràng pháo nổ không quan trọng mà những vết nứt đã để lộ ra, họ đã học được cách coi thường

nguy hiểm và không còn nhận thấy những thế lực nào khác ngoài những thế lực mà họ đã biết sản xuất ra và họ đã biết rõ phương thức sản xuất.

Báo chí bản xứ tự do : đối với họ có phải chỉ là một phương tiện để kiểm tra thường xuyên, những tư tưởng và những lực lượng đang tồn tại hay có thể tồn tại được. Một phương tiện để phát hiện những ngòi nổ chưa biết do những người bản xứ tạo ra đã bị môn thể thao mới từ Âu Châu đem lại quén rũ họ, tên gọi là đấu kiếm bằng miệng và tranh luận báo chí.

Vì rằng đối với chúng tôi những người Á Châu, báo chí chỉ mới là một môn thể thao. Người Châu Âu có quyền lợi của họ để coi nhẹ báo chí biến thành một hình thức của đời sống xã hội, báo chí là một thứ duy nhất có thể cầm trong tay được đối với những đầu óc phân tích của những người phương Tây.

Ở Bắc Kỳ, chúng tôi mong muốn tạo ra một nền báo chí bản xứ, mang dấu ấn An Nam, mặc dù là được viết bằng tiếng Pháp, và nó thể hiện ra rõ nét hơn tâm hồn An Nam, chứ không phải chấp nhận nó như đã tồn tại một công cụ kỳ lạ đã đem lại cho chúng ta gần một thế kỷ đã sử dụng và lạm dụng.

Những người đứng đầu xứng đáng với danh nghĩa đó sẽ hiểu và nhất định chúng tôi sẽ được tán thưởng vì món quà lạ này. Nó sẽ hữu ích cho họ hơn cả một danh vị. Họ sẽ không coi chúng tôi là chống Pháp bởi vì về tinh thần chúng tôi còn Pháp hơn một số người Pháp.

Nếu như sự vu cáo đặt điều này cho chúng tôi là có thật, thì chúng tôi sẽ không buông tha những người vu cáo, cho tới khi nào họ phải chính thức cải chính.

Nguyễn Văn Vĩnh

L'Annam Nouveau số 269 ngày 20/8/1933

BÁO CHÍ AN NAM TỰ DO

Ông toàn quyền Rôbin sẽ là người tán thành việc bãi bỏ kiểm duyệt được áp dụng cho báo chí tiếng An Nam. Nếu về mặt tư tưởng, có một ngày sẽ đến với người đứng đầu thuộc địa, mà chúng tôi mong ước là một ngày gần sẽ biến thành sự thật thì chúng ta sẽ có một ông toàn quyền đầu tiên, đã thực hiện một cử chỉ tự do mà những người An Nam có quyền được mong đợi ở chính phủ Cộng hoà Pháp, chúng tôi có thể nói đáng lẽ nó đã phải được thực hiện từ lâu rồi. Chính chế độ báo chí bị kiểm duyệt và phải xin phép trước, đã nảy sinh ra cái nền báo chí bản xứ kỳ cục này, đóng một vai trò trong xã hội chúng ta khó mà định nghĩa được. Có những người nói nó đã phản ánh dư luận bản xứ một cách đầy đủ, người khác lại nói chỉ là thông tin tuyên truyền và phổ biến. Trong thực tế, những tờ báo của chúng ta bị kiểm duyệt và bị giám sát xit xao, chỉ nói lên được những dư luận mà nó biết rằng sẽ được những nhà chức trách đồng ý và cho qua. Ít nhất từ ba ngày trước khi in báo đã phải đưa bản thảo đánh máy đến trình kiểm duyệt. Điều đó chỉ có thể thực hiện cho những bài thuộc loại văn chương hay khoa học. Những phóng viên bình luận những việc thời sự, trong thực tế bị dẫn tới phải viết vừa đúng những điều có thể nói ra được, để không bị đe dọa vấp phải : bản in thử, hay bản thảo của mình bị gửi trả lại vào đúng giờ phải in báo, với những đoạn bị cắt đi khá dài, phải đưa ra khỏi bát chữ đã xếp, hay là phải xếp chữ sửa lại theo như chỉ dẫn của phòng

báo chí. Điều đó đã gây ra cho công tác nhà in rất nhiều khó khăn và tốn kém. Điều đó cũng giải thích sự giống nhau trong việc đánh giá những hành động và những sự việc của chính phủ, hay trong việc thiếu vắng tất cả những bình luận, khi mà những tờ báo đã biết trước là không được phép phê bình. Do có sự kiểm duyệt những tờ báo An Nam và bắt nó phải chịu chế độ xin phép có thể bị rút và đình chỉ giấy phép, chính phủ bảo hộ đã tự mình từ bỏ những ý kiến đóng góp một nguồn thông tin quý giá, nhưng họ vẫn không ngăn cản được, bằng bất cứ cách nào người An Nam trao đổi nói chuyện với nhau về tất cả những điều họ nghĩ. Và phải có một sở mật thám khổng lồ để phản ánh lại cho họ tất cả những dư luận đó, nó thường được nổi lên một cách thiếu lịch thiệp, nếu phải viết ra nhất định nó sẽ được viết dưới hình thức lịch thiệp hơn. Những bài viết khi nó được viết khéo léo bởi những nhà viết văn tốt, theo điệu của quần chúng. Trong chiến tranh thứ nhất, chính những tờ báo An Nam đã gợi ý cho những nhà chức trách và cho những nhân sĩ An Nam tỏ lòng đoàn kết giữa người An Nam với nước Pháp cùng chiến đấu cho quyền con người và cho nền văn minh, và điều đó được làm, nhân dịp những cuộc tuyển quân, cũng như trong dịp vay tiền cho chiến tranh. Đúng trước những tình hình từ trước chưa gặp bao giờ, quần chúng của chúng ta rất lúng túng để nói lên những lời khách sáo cần phải nói, và phải thú thật là bao giờ cũng tốt và dễ nghe, vì rằng phải làm cho mọi người được thoải mái, bằng cách không nói lên một cách thành thật.

Người ta đã nêu lên lý do để giữ uy tín cho những nhà chức trách và những người đại diện của họ. cũng như lý do những tờ báo viết bằng tiếng Pháp không được những người An Nam

đọc. Hoàn toàn ngược lại, báo tiếng Pháp được tất cả những người để ý đến những vấn đề chính trị đọc, bình luận và nhiều khi còn được giải thích cho những người bản thân mình không tự đọc được. Một phần lớn những người này còn đọc những tờ báo Tàu, trong đó những bài bình luận còn mạnh mẽ hơn nhiều. Những người bảo hộ chúng ta tỏ ra không biết chúng ta là một bộ phận của thế giới Trung Hoa và tất cả những việc đã xảy ra, đã được nói và đã được viết ở bên Trung Hoa đều có tiếng vang sang bên nước ta, do những nhà nho họ đã không biến khỏi đất nước An Nam mặc dù là đã có sự huỷ bỏ nền giáo dục bằng chữ nho. Ảnh hưởng của Trung Hoa thuộc về phạm trù văn hoá tư tưởng chỉ sẽ biến đi nếu nó phải biến đi, khi một ngày thật sự đã có ảnh hưởng của Pháp cũng thuộc về phạm trù văn hoá tư tưởng. Vì rằng một nền văn hoá phải được lan rộng ra trong tất cả các phạm trù của nó, dưới tất cả những hình thức của nó.

Không có một đàn áp về tư tưởng nào hay hạn chế nào về tự do viết nào có thể thấy được trong suốt cả giai đoạn kéo dài dưới sự đô hộ của Trung Hoa. Chỉ có xảy ra những sự việc cá thể trong việc chuyển giao hạn chế những phương pháp sản xuất công nghệ. Ngược hẳn lại, tất cả những người An Nam đã tỏ ra tiếp thu được đầy đủ đều được vinh quang và được đối xử ngang hàng. Còn người Pháp, họ nói với chúng tôi : các anh vẫn là người An Nam và các anh chỉ trở thành người Pháp trong phạm vi mà chúng tôi muốn chấp nhận điều đó, để bảo đảm thuận lợi cho hành động của chúng tôi trên đất nước này. Với cách truyền đạt hạn chế đó người An Nam ưa thích tiến triển theo hướng của người Trung Hoa hơn và họ theo dõi tất cả những phong trào tư tưởng, tốt hay xấu, đã được phát động

ở bên Trung Hoa đang làm cho họ biến đổi do ảnh hưởng của Âu châu. Trong lúc đó sự có mặt của nước Pháp ở đây rất có thể làm cho chúng tôi phát triển theo một hướng hoàn toàn Pháp, độc lập với tất cả những pha trộn của Trung Hoa.

Không tạo ra được cho báo chí có một công dụng tự do thích hợp với tình hình chính trị và xã hội của đất nước mình, đồng bào chúng tôi đã biến cái công cụ lai căng này, một nửa thành đồ chơi vô hại cho những đứa trẻ lớn tuổi, một nửa thành một công cụ đả kích nói xấu những người mà những nhà chức trách rất muốn bỏ rơi làm mồi cho mối hận thù của họ. Công bằng mà nói phải công nhận là báo chí An Nam cũng có lúc đã trở thành nơi phản ánh một số nguyện vọng của người bản xứ, những nguyện vọng vô thưởng vô phạt để có thể giới thiệu lên không cần tranh cãi và cũng chẳng cần bình luận. Vì rằng không nhất thiết phải là những nguyện vọng chung của tất cả nhân dân An Nam. Những cơ quan công cộng lưu ý đến khi họ gặp chứng cứ bất ngờ đập vào mắt họ. Nói khác đi, người ta bỏ qua nó không nói gì và người ta không cho phép tranh luận, từ chối hay gạt bỏ chỉ khi nào điều đó không gây ra những tranh luận, có thể làm tổn hại đến những nhà chức trách công cộng hoặc là đến những nhân vật mà uy tín của họ là cần thiết cho chính phủ bảo hộ.

Người ta còn lấy cớ coi như nguyên nhân phải có những hạn chế đó, vì những nhà báo của chúng ta còn mới mẻ không biết hết những luật lệ và những công dụng của báo chí. Vì vậy cần phải vì lợi ích của bản thân họ, phải giám sát họ rất xít xao để ngăn cản họ không bị rơi vào những trường hợp xấu. Chính quyền đã nghĩ như vậy, cần phải ngăn ngừa những phạm pháp báo chí, còn hơn là phải đưa họ ra trước toà án. Tôi cho là

những lý do đó là không đúng. Vì rằng trong khi chấp nhận một cơ chế của nước Pháp, chúng ta cần phải biết những luật lệ và những công dụng thuộc về nó. Và nếu chúng ta không biết thì đơn giản nhất là không được sử dụng nó.

Các chế độ nói là để che chở báo chí đã thu hút vào nghề làm báo bằng tiếng bản xứ, một số lượng rất lớn những người không có chức danh nào khác vào đóng vai trò trọng tài cho những công việc công và cả việc riêng tư nữa, chỉ thu hút được những người đã thất bại trong nhiều nghề nghiệp khác.

Những người tự tôn mình lên là người làm nghề truyền bá, trong khi họ không thể ngay cả nói lên họ phải dậy cái gì cho người khác. Có lẽ họ đang cần đi học nhiều điều cho bản thân họ trước đã.

Giấy phép phải xin trước, được cấp cho những người này, và từ chối cho những người khác sau một cuộc điều tra của cảnh sát, về khả năng có thể thanh toán trong trường hợp phải chịu trách nhiệm hình sự và về sự trung thực của họ, một danh từ có một nghĩa rất mênh mông, có hình thức như một sự ưu đãi, càng trở nên bất công vì nó không bao giờ được cấp cho những người tập trung được đầy đủ những đức tính đã qui định để thực hiện nó.

Chúng tôi sẽ nói trong một bài sau những hậu quả thực tế của chế độ tự do được ấn định trong những luật lệ của nước Pháp và người ta đã gán cho ông toàn quyền Rôbin có ý định áp dụng nó ở Đông Dương.

Nguyễn Văn Vĩnh
Báo L'Annam Nouveau số 379
ngày 27/9/1934

CHÀO MỪNG BÁO TBTV MỚI

Độc giả của chúng tôi có thể đã lưu ý là tôi đã hợp tác với báo TBTV ngay từ ngày báo được xuất bản lại. Đây là một cách làm thử. Tôi xin sẵn sàng thú nhận là tôi đã chán ngấy rồi, những báo chí chữ quốc ngữ có thể được in ra gấp đôi hoặc gấp ba lần chỉ vì một tin vặt giạt gân, và trong báo những bài viết có cơ sở nhất, những phóng sự quan trọng nhất thì không ai đọc. Nếu sự thử viết của tôi có kết quả thì tôi sẽ vui lòng tiếp tục viết những mẩu truyện nhỏ, viết nhiều hay ít hoàn toàn tùy thuộc vào các độc giả. Bởi vì bao giờ cũng vậy khi tôi nhận thấy sự đứng đưng của độc giả, và tôi là người có đủ lễ độ để không ép buộc độc giả phải nghe tôi nói truyện phiếm mà họ không thích nghe.

Cũng như những độc giả của báo "L'Annam Nouveau" đã dành cho tôi lòng kiên nhẫn của họ, tôi sẽ nói truyện với họ về sự hợp tác được nối lại này, và được coi như mối liên hệ giữa tờ Nước Nam mới và một cơ quan ngôn luận bằng tiếng An Nam, không phải là một việc không có lợi, tôi sẽ cố gắng tạo ra điều đó, mặc dù là có thể bị thất bại một lần nữa. bởi vì rằng chúng ta đừng quên tờ Nước Nam Mới và những tờ báo An nam được viết cho hai quần chúng độc giả rất khác nhau họ chỉ gặp nhau trên rất ít điểm, nhưng trên những điểm có tầm quan trọng rất nổi bật. Người ta không viết cho họ cùng theo một ngôn ngữ được. Nếu không phải là như thế, thì công việc sẽ rất đơn giản chỉ cần dịch sang tiếng An nam những bài chúng tôi viết bằng

tiếng Pháp và ngược lại.

Những người An nam đọc tiếng Pháp thành một giới riêng biệt, họ rất sẵn sàng đọc, không phải bao giờ cũng là những bài họ thích, mà đặc biệt hơn là những bài họ thích được thấy người ta viết cho quần chúng người Pháp. Giới này chúng tôi để ý đến bởi vì họ là cái gạch nối cần có giữa thuộc địa Pháp, có nghĩa là giai cấp quý tộc chỉ huy đất nước này, và đại đa số quần chúng An Nam. Bởi vì do địa vị được ưu đãi của họ, họ đã trở thành mẫu mực của cái xã hội An Nam khốn khổ này, đã bị dồn vào thế không còn một lý tưởng nào khác để mơ ước ngoài sự bất chước, trong lúc đó nó áp ủ ở trong đáy lòng, trong tình trạng bùng nổ, rất nhiều năng lượng, mà chỉ có một bộ phận rất nhỏ làm chúng ta phải nghi ngờ.

Trong lúc đó đại đa số quần chúng nhân dân, họ có một ngôn ngữ chung, một sự thống nhất hoàn hảo, nhưng còn chưa được thử thách như một phương tiện để diễn tả chính xác, như một phương tiện để chuyển tải những tư tưởng. Sự chấp nhận ngôn ngữ An Nam như một ngôn ngữ để tranh luận lúc ban đầu thể hiện ra là rất có thể được.

Để có thể trở thành như vậy nó phải được tiếp tục nuôi dưỡng bởi những người có trình độ chuyên nghiệp. Nhưng không may thay nhiều người can thiệp vào quá và những lộn xộn như vậy được đưa vào khoa văn phạm đã làm cho ngôn ngữ của chúng ta đã có thời trở nên mềm mại và phong phú, ngày nay biến thành một thứ tiếng lóng khó mà nhận ra ngay cả đối với những người đã tham gia vào việc tạo ra nó giống như một em bé được sinh ra rất khoẻ mạnh đã biến thành một con quỷ nhỏ.

Dân tộc An Nam bị đe dọa như vậy, là đã bỏ lỡ một lần nữa cơ hội để xây dựng một ngôn ngữ viết xuất phát từ ngôn

ngữ nói của mình. bởi vì có nhiều người quá đã tự động tham gia vào việc qui định nó và không có một cơ quan có quyền hành nào ngay cả chỉ để đòi hỏi có một trật tự. Thực tế nó đã tự tạo ra cho một ngôn ngữ viết, quý giá, chỉ một thiểu số rất ít người hiểu được. và một cách nói chung không rõ ràng. Số lượng in của những báo An Nam là không đáng kể so sánh với đông đảo quần chúng đọc giả có thể có được. Những người viết báo quý trọng quá mức không phải là sự sáng sủa, sự thanh cao, sự phong phú, mà là những sự mới lạ xuất phát từ một giai đoạn tưởng tượng ra, chứ không phải là một giai đoạn thực tế mà ngôn ngữ An Nam đã đạt tới. Họ đã đem lại cho ngôn ngữ của chúng ta, nó chỉ mới ở trong tình trạng có thể đứng vững được, những thay đổi chỉ thích hợp cho một tình trạng đã hoàn hảo, nó là tình trạng của ngôn ngữ Pháp.

Một vài suy nghĩ theo tiếng Pháp để viết tiếng An Nam có thể là tốt; nhưng người ta trở thành không thể hiểu được nếu không nhìn thấy là một người bình thường trong số những đọc giả chỉ hiểu những điều họ đọc bằng tiếng An Nam, xuất phát từ những công việc được trình bày một cách thông thường bằng tiếng An Nam, và tất cả những điều được viết cho những đọc giả tưởng tượng ra đều đã rất quen thuộc với tiếng Pháp, thì nó sẽ trở thành một thứ tiếng lóng đối với đông đảo quần chúng không biết một tí nào tiếng Pháp.

Viết tiếng An Nam, theo ý kiến tôi, phải kiêm luôn cả hai vai trò đặc biệt là khó khăn, vừa là người sáng tạo ra ngôn ngữ và vừa là người truyền bá cho quần chúng An Nam. những kiến thức hoàn toàn mới mẻ.

Để sáng tạo ra một ngôn ngữ mới dựa trên cơ sở của một ngôn ngữ sẵn có. trước tiên, phải biết sâu sắc ngôn ngữ sẵn có

này, hoặc ít nhất cũng phải biết một trong những ngôn ngữ đẹp đẽ mà người ta muốn dùng làm mẫu mực. Để phổ biến cho mọi người về những khái niệm hãy còn mới mẻ đối với họ, thì trước tiên bản thân mình phải nắm vững những khái niệm đó. Những nhà viết báo tiếng An Nam nào đã bảo đảm có đầy đủ tất cả những điều kiện đó? Rất hiếm có, và lại không phải là họ đã thành công hơn đối với quảng đại quần chúng còn chưa biết gì và đang khát khao mới mẻ.

Đứng trước tình hình đó, những người trí thức chân chính, những người có một vài điều để dạy bảo những người khác, có phải là họ có nhiệm vụ phải tự khẳng định mình vừa là người sáng tạo ra ngôn ngữ An Nam, và vừa là một người truyền bá cho đồng đảo quần chúng đọc giả An Nam những kiến thức mới cần thiết cho đời sống hiện nay; về cách suy nghĩ và tranh luận dựa trên cơ sở của logic Âu châu?

Nếu báo TB được xây dựng thành diễn đàn để thực hiện điều đó, và chỉ dành cho điều đó thôi, loại trừ tất cả những người bẻm mép, không hiểu gì cả về những điều họ đang viết và đang nói, chúng tôi chúc báo TB thành công tốt đẹp và nó là rất xứng đáng.

Nguyễn Văn Vĩnh
Báo L'Annam Nouveau
Số 458 ngày 4/7/1935

TIẾNG PHÁP TIẾNG ĐỂ TRANH LUẬN

Một đồng nghiệp, đến phỏng vấn tôi về sự đóng góp không đáng kể của tôi vào việc đã làm cho ngôn ngữ An Nam trở nên mềm mại, và đã chê trách tôi luôn luôn nói chuyện với bạn bằng tiếng Pháp, chứ không bằng tiếng An Nam, thứ tiếng mà tôi đã dành những năm của cuộc đời mình để phục vụ. Mặc dù bạn đồng nghiệp ấy đã thấy được sự việc trước khi đến thăm tôi. Bạn đã biết những thói quen của tôi, và những nguyên nhân tạo ra nó.

Những nguyên nhân này rất đơn giản. Chúng tôi làm việc để đem lại cho ngôn ngữ quốc gia của chúng ta sự sáng sủa và chính xác mà chúng tôi đã thấy được trong tiếng Pháp, chúng tôi chỉ mới dùng chưa nhiều ngôn ngữ đẹp đẽ này. Có nghĩa là ngôn ngữ quốc gia của chúng tôi chưa được thật chuẩn và nếu chúng tôi có ý định ngay hôm nay viết bằng tiếng An Nam nhiều điều mà chưa bao giờ được diễn giải bằng thứ tiếng này, thì chính chúng tôi viết cho những đồng bào của chúng tôi, họ chưa biết một thứ tiếng nào khác ngoài tiếng An Nam. Và chính họ là những người phải nói lên về những kết quả của thử thách của chúng tôi và không phải bản thân chúng tôi làm việc đó.

Công lao của tất cả một thế hệ, công lao mà tôi chỉ tham gia vào một phần rất nhỏ để tạo thành một ngôn ngữ An Nam mới, để hoàn thiện công việc này đòi hỏi còn phải cố gắng liên tục và sáng suốt của nhiều thế hệ khác nữa, để có thể đem lại

cho ngôn ngữ đó một trình độ chính xác đầy đủ, để tạo ra được những tích lũy tư tưởng mà chỉ có những người nào đó có thể rút ra từ ngọn nguồn những kiến thức của Pháp mới làm được, kiến thức hiện đại không phải là kiến thức của chúng ta.

Chúng tôi nhấn mạnh "Cố gắng sáng suốt" vì không phải là tất cả chỉ cần có tạo ra những từ mới và sáng tạo ra những ngữ pháp mới, một cách bất cứ như thế nào. Mà còn phải có những cố gắng của những người có kiến thức thành thạo các môn ngôn ngữ học, văn học; ít ra công lao của những chuyên gia này phải thống soái tất cả những hoạt động đổi mới, những người ít hay nhiều có đủ tư cách để đổi mới về văn chương. Vì rằng, theo nhịp độ tiến triển của mọi việc, với những câu nói thiếu văn hoá, bắt chước tiếng Pháp được đưa vào tiếng An Nam, không lưu ý đến logic của sự tạo thành những từ, nó là đặc điểm sáng tạo của một ngôn ngữ, có nghĩa là theo cách riêng biệt của khả năng hiểu biết của mỗi dân tộc, ngôn ngữ của chúng ta biến đổi đi, bị đe dọa thoái hoá trở thành một thứ tiếng nói lóng không sao hiểu được, cũng kém phần nhịp nhàng khi nói lên và nghe chối tai khó tiếp thu.

Vì vậy nếu tôi muốn nói bằng tiếng An Nam với bạn đồng nghiệp thân mến phỏng vấn tôi, thì tôi lúng túng trong việc lựa chọn tiếng An Nam của tôi hay tiếng của bạn. Vì rằng, chúng tôi thú thật là mỗi một người trong chúng ta đều có ngôn ngữ của mình, mà họ cố thử làm cho nó có ưu thế hơn.

Như vậy tất nhiên tôi phải nói với bạn đồng nghiệp đó, bằng ngôn ngữ mà chúng tôi đã dùng làm mẫu mực cho cả hai chúng tôi để tạo ra ngôn ngữ của chúng ta.

Chính trong khi nói tiếng Pháp mà những người An Nam học tập diễn tả bằng ngôn ngữ của bản thân mình, với sự đúng

đắn và chính xác.

Ít ra như vậy để nói chuyện về những việc cổ xưa, về những việc cũ kỹ đó, mà những người An Nam đều có quyền tự hào về những thành quả mới của họ, nhưng người ta lại không dùng đến nó nữa, tất cả những người trao đổi với nhau về những vấn đề hiện tại, thuộc về luân lý, chính trị, triết học hoặc khoa học, đều nói một cách tự nhiên bằng tiếng Pháp, ngay cả trong khi trao đổi với nhau, tiếng Pháp giúp họ tiếp thu được một số kiến thức mới mà họ đã học được. Nói tiếng Pháp họ đỡ phải cố gắng đòi hỏi để mỗi người phải nói thứ tiếng mà họ đã sáng tạo ra và để nghe tiếng nói của người nói chuyện với họ, không phải bao giờ cũng là tiếng nói của mình.

Người viết văn An Nam nói hoặc viết bằng tiếng An Nam, để trình bày những việc không thông thường được nói bằng tiếng An Nam, phải cố gắng gấp đôi về quan niệm và cách phát biểu. Họ thường xuyên phải suy nghĩ bằng tiếng Pháp và chỉ có dịch ý nghĩa của mình ra tiếng An Nam. Họ phải cố gắng như vậy khi nào họ nói chuyện với những người chỉ nghe được tiếng An Nam. Ngay sau khi họ thấy được họ đang nói chuyện với một người nói được tiếng Pháp như họ, thì bản năng ít phải cố gắng nhất làm cho họ nói luôn bằng tiếng Pháp.

Như vậy tiếng Pháp vẫn sẽ tồn tại lâu dài hơn nữa, là phương tiện diễn tả được ưa thích để tranh luận, ngay cả những người An Nam về những việc hiện tại.

Tôi sẵn lòng thú nhận là đối với người phụ nữ An Nam đẹp có ưu thế biết nói tiếng Pháp, những lời tỏ tình thâm kín nhất tôi nói với cô ta sẽ được lấy ra trong từ ngữ chiều đàn bà của Pháp. Cũng như vậy tôi nói tiếng Pháp với những đứa con nhỏ nhất của tôi, không quên là, trong gia đình An Nam, tất nhiên

chúng nó phải nói tiếng An Nam khi mà còn có những chú bác họ hàng chỉ biết nói tiếng An Nam.

Chúng tôi còn nói tiếng Pháp để hoàn thiện tiếng nói của chính chúng tôi, nó phát triển theo với đà những cách diễn giải của Pháp nhập sâu vào phong tục của người An Nam.

Trong khi chờ đợi cho một ngôn ngữ An Nam mới đã đạt được tới một trình độ mềm mại và chính xác mong muốn, để có thể tích lũy được những tư duy tinh vi nhất, những người trí thức An Nam vẫn phải nói tiếng Pháp, giống như những nhà nho thế hệ trước của họ đã nói ngôn ngữ cổ điển Trung Hoa.

Trong khi bất giờ nói về một cuộc phỏng vấn mà một bạn đồng nghiệp người An Nam của tôi đã đăng lên báo, tôi muốn nhắc lại cho bạn đồng nghiệp đó là theo thủ tục phải thông báo cho người được phỏng vấn nội dung những lời phát biểu được gán cho là của họ, trước khi đăng lên báo. Vì bạn không làm đúng thủ tục đó nên tôi không chịu trách nhiệm về những lời phát biểu mà bạn đã gán cho tôi và không phải giả lời những điều mà bạn đã đăng lên báo về tôi.

Nguyễn Văn Vinh
Báo L'Annam Nouveau
Số 466 ngày 1/8/1935

BÁO CHÍ AN NAM TỰ DO

Bác sĩ Nguyễn Hải

Chính trên báo này đã viết về vấn đề này khá nhiều. Nhưng ở thời buổi này, người ta đã chỉ còn gán cho ông Toàn quyền Robin có ý định bãi bỏ chế độ kiểm duyệt đã được áp dụng cho báo chí tiếng An Nam, trong lúc đó ngày hôm nay đã có một nghị định được ban hành từ ngày 1/1/1935 tới cho những đồng nghiệp của chúng tôi ở Nam Kỳ - và nhất định cho chúng ta cũng thế chỉ trong một ngày gần thôi - chúng ta cũng sẽ có một báo chí An Nam tự do.

Tin mới này không làm chúng tôi ngạc nhiên vì biết rằng những tiết kiệm mà nhà nước bất cứ bằng giá nào cũng phải thực hiện, và sự huỷ bỏ đã được thực hiện ở những cơ quan khác mà nhà nước thấy là không còn cần thiết nữa.

Tôi luôn luôn nhớ là những chậm chễ trong việc xuất bản một tờ báo là thường xuyên đến nỗi ở văn phòng toà soạn người ta đã bắt buộc phải có dự trữ một số những bài hoàn toàn vô thưởng, vô phạt, thuộc vào loại những truyện ngắn, đã được phòng báo chí duyệt trước, để lấp những lỗ hổng mà bà Kiểm mùa kéo đã để lại hàng ngày một cách rất khéo léo. Nói về những truyện ngắn An Nam, mà ông bạn Phạm Duy Tốn rất thương tiếc của chúng tôi có tài đặc biệt, chính đây là một loại văn chương mà những người viết văn và nhà báo của chúng ta đã bỏ rơi. Trong thời buổi khi báo Trung Bắc Tân Văn đi tiếp theo Đông Dương tạp chí là tờ báo An Nam độc nhất ở Hà Nội. đã viết tất cả các loại văn chương, trong đó còn có cả một ít ý

định phổ thông khoa học. báo đã viết tất cả những vấn đề được phép viết và cũng có khi để đánh lừa mắt cú vọ của kiểm duyệt báo. viết được cả những điều bị cấm. Chính là vì những nhân viên kiểm duyệt không thể nào đọc được tất cả, với sự chăm chú mà chỉ những người thành thạo mới làm được. Tuy nhiên cần phải biết và phải có thời gian để "đập vỡ xương ống và hút lấy tuỷ" như một vài tác giả mà ông quản trị Vayrac đánh giá cao đã nói.

Từ bài này có sự buông lỏng một phần nào - tôi muốn nói là những chậm chễ trong việc phát hành của các tờ báo trở nên ít thường xuyên hơn - thì những nhà viết báo của chúng ta cũng thận trọng hơn. bởi vì không ai dám chơi đùa để để ra những bài báo mà đọc thấy rất hay nhưng lại chỉ có thể để vút vào sọt rác. Những người còn viết cho các tờ báo An Nam đều biết cách chỉ nói vừa đủ những điều phải nói và những điều được phép nói. Những người muốn kiếm sống không bao giờ tìm cách gây ra những khó khăn cho những ông chủ của những tờ báo họ đang sử dụng mình, bằng cách tìm biện pháp để đánh lừa sự tỉnh táo của kiểm duyệt. Như vậy ông Toàn quyền phải thấy là những tờ báo An Nam đều rất ngoan ngoãn và sự huỷ bỏ kiểm duyệt chỉ có thể là một cách để tiết kiệm trong thời buổi này.

Tin mới về việc bãi bỏ kiểm duyệt được những đồng nghiệp tiếng An Nam đón mừng như thế nào ? Chúng tôi thấy xấu hổ phải thú thật là họ vẫn lạnh lùng như không, mà hình như họ còn có phần thất vọng một tí, khi được tin về việc bãi bỏ này, họ có vẻ mong ước nhưng không chờ đợi nó. Chế độ kiểm duyệt đã tạo ra một nền báo chí khá kỳ lạ. nó tự xưng là báo chí thông tin, nhiều hay ít có kèm theo ảnh, và họ đã tìm thấy

chính ngay trong chế độ kiểm duyệt một cách được bảo đảm nó giúp cho những ông chủ nhiệm tổ chức được một cách rất bình yên việc buôn bán của mình. Để chứng minh là họ rất thính về tin tức, một tờ báo bằng tiếng An Nam đã đăng một cuộc phỏng vấn vài vị công sứ ở Lào ông C. Marty, là người đã nghiên cứu thảo ra nghị định nổi tiếng này và tôi nhớ được là đọc mãi cũng không khám phá ra được bất cứ một điều gì làm cho chúng ta sáng tỏ mặc dù chỉ là ít thôi về chân trời mới cần thiết được mở ra cho tờ báo này cũng như cho các tờ báo An Nam khác, về một sự kiện có tầm quan trọng như vậy. Đúng như vậy, đây là một tờ báo tự nhận là báo thông tin, và họ đã hiểu theo nghĩa thật đúng của từ này về tất cả những điều có đụng chạm đến những việc của chính phủ, mà họ được phép đụng chạm đến. Nhưng chúng ta phải biết là có một số những tờ báo An Nam không tự bằng lòng với việc chỉ làm có thông tin thuần tuý thôi. khi họ tìm cách bóp méo những sự việc, như điều đó đã xảy ra trong cuộc họp nghị viện những đại biểu nhân dân và mới gần đây thôi ở Đại hội đồng kinh tế. trong việc bầu một Phó chủ tịch người bản xứ. Nó chứng tỏ trong việc này là họ chưa biết làm thông tin; họ đã tạo ra như vậy một khoảng cách rất lớn giữa họ với những người mà họ tìm cách để tấn công, và một mặt khác họ đã bảo vệ rất tồi con ngựa non của họ, con ngựa non này thuộc vào cùng một sự việc được họ bao che, tỏ ra như vậy còn non toẹt trước một đoàn trẻ con. cũng giống như người hầu của anh mới đi bước đầu, vào đời sống xã hội và hãy còn là một anh tập sự làm báo. Người ta nói là những tờ báo đó đã được trả công về đợt thông tin đó. nói cho đúng hơn họ đã bóp méo tin tức : tất cả đều có thể là thật, và người chi tiền hào phóng cho đợt thông tin đó đã nhận được

đền bù cho những chi phí của họ, sau đó họ đã tìm thấy được nắp vung để đầy nồi cơm của họ.

Những tờ báo như vậy họ sẽ làm được gì sau khi đã bãi bỏ kiểm duyệt? Tôi nghĩ về báo chí An Nam trở thành tự do "Những chữ viết đầu tiên cũng phải cân nhắc giống như đứa trẻ tập đi những bước đầu tiên" như nhà văn V. Hugô đã nói về một đứa trẻ mới tập nói là một cách để nó sẽ bị mất nhiều hơn, chứ không được gì. Tôi còn ưa thích hơn người chủ nhiệm khác, hãy còn trẻ của tờ báo An Nam, chưa bao giờ được ai ca ngợi về trí thức, cũng như về thông minh của ông, và ông đã tuyên bố với tôi một cách gọn gàng là việc bãi bỏ kiểm duyệt sẽ dẫn tới giúp cho ông xuất bản được báo sớm hơn và "nói lên được nhiều điều hơn mà vẫn trong phạm vi quyền hành của mình" - điều này được nói với giọng hơi ngập ngừng và không tin tưởng lắm. Tôi e rằng những người hợp tác với ông, sẽ không bằng lòng vì không được trả công tốt, đến một ngày nào đó họ sẽ hại ông và điều đó phải trả giá rất đắt; vì ông chưa phải ở tầm cỡ để hiểu được tất cả những điều họ viết.

Như vậy, cái tự do tương đối mà chúng ta sẽ nhận được - tôi không nói là đã đòi được, vì rằng chúng ta phải công nhận là để nhận được nó, những nhà báo của chúng ta chỉ có việc là tuân theo nó thôi - cái tự do đó tóm lại chỉ là một phần thưởng về nhiều giai đoạn kéo dài phải chịu đựng đè nén, ngay cả họ có bị mòn mỏi đi để đem lại sự tốt đẹp nhất cho quần chúng đọc giả?

Như vậy với sự tò mò lớn nhất chúng ta chờ đợi những số báo đầu tiên của tờ báo An Nam không bị kiểm duyệt.

Bác sĩ Nguyễn Hải

L'Annam Nouveau số 405 ngày 23/12/1934

MỤC LỤC

1999 năm cuối cùng của thế kỷ XX - Thế kỷ cách mạng đổi mới thành công ở nước ta	1
Đề tưởng nhớ ông Phan Chu Trinh	7
Nhân đọc di cáo của Phan Châu Trinh	10
Kỷ niệm 117 năm ngày sinh và 63 năm ngày giỗ ông Nguyễn Văn Vĩnh	16
Điều văn của ông Demas	19
Điều văn của ông Henri Tirard	24
Lời nói đầu Đảng Cổ Tùng báo 1907 của F.H. Schneider	29

10 BÀI XÃ LUẬN BÁO L'ANNAM NOUVEAU CỦA ÔNG NGUYỄN VĂN VĨNH VIẾT VỀ BÁO CHÍ VÀ NHÀ IN

	Báo AN số	Ngày	Trang
Báo chí và nhà in	29	10/5/1931	33
Báo chí bản xứ tự do	27	7/5/1931	37
Văn chương yêu nước	28	7/5/1931	45
Những viên chức nhà báo	117	13/5/1933	49
Chống Pháp	268	27/8/1933	55
Báo chí bản xứ bằng tiếng Pháp	269	30/8/1933	59
Báo chí An Nam tự do	379	27/9/1934	62
Chào mừng báo TBTV mới	436	4-7/1935	67
Tiếng Pháp tiếng để tranh luận	466	1-8/1935	71
Báo chí An Nam tự do của BS. Nguyễn Hải	405	12/1935	75



ĐÁM TANG ÔNG NGUYỄN VĂN VINH - 5/8/1936
 QUÁN TẠI TRỤ SỞ HỘI TAM ĐIỂM HÀ NỘI

Người dịch :

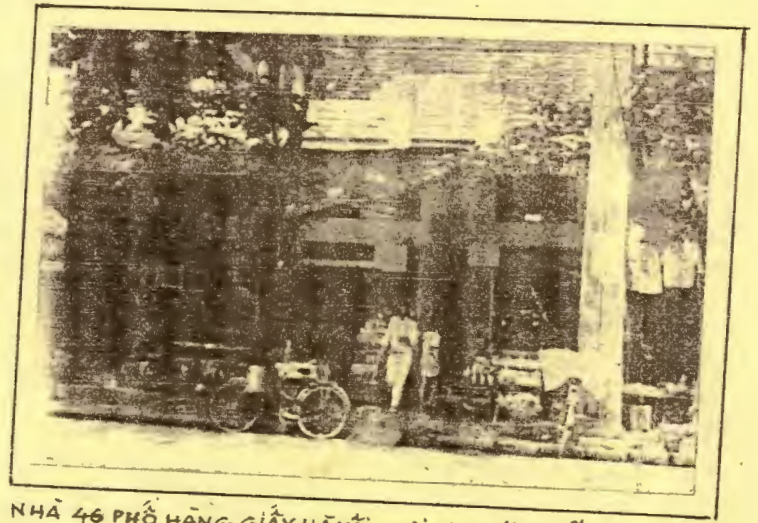
NGUYỄN KỲ

Lên trang và sửa bản in :

NGUYỄN THUẬN MỸ

Trình bày :

NGUYỄN NGỌC ĐỊNH



NHÀ 46 PHỐ HÀNG GIẤY HÀ NỘI, NƠI SINH ÔNG NG. V. VINH.



NHÀ 34 PHỐ HÀNG MẢ MÂY HÀ NỘI, NHÀ
 Ở CỦA GIA ĐÌNH Ô. NG. V. VINH 1907-1921